

MỤC LỤC

Mục Lục.....	1
Nghè hoá cọp.....	2
Người thiếu phụ ở Nam Xương.....	5
Ông thần sắt	7
Sọ dừa	8
Sơn Tinh - Thủy Tinh	13
Sự tích chim cuốc.....	14
Sự tích con cào cào	17
Sự tích con cóc	18
Sự tích con muỗi.....	20
Sự tích đèo phật tử.....	22
Sự tích hạt lúa	24
Sự tích hoa hồng.....	25
Sự tích ông Bình vôi.....	27
Sự tích thỏ tai dài đuôi ngắn.....	30
Sự tích trái dưa hấu.....	32
Sự tích con bọ hung.....	35
Tấm Cám.....	36
Thạch Sanh.....	43
Thánh Gióng	47
Tiếng hát của người đá.....	48
Trí khôn của ta đây.....	52
Trương Chi	53
Chuyện người lấy vợ cóc.....	54
Truyện thuyết về Hồ Gươm	58
Truyện thuyết về sư tử.....	60
Từ Thức	61

NGHỀ HOÁ CỌP

Ngày xưa, ở một làng kia, có một thanh niên bố chết từ hồi hắn còn nhỏ và để lại cho hắn một gia sản khá lớn. Hắn dư của ăn học, thường nói với mọi người trong làng: "Thầy tôi khi xưa làm một chức quan nhỏ; tôi nhất định sẽ làm to hơn". Rồi đối với những người không ưa, hắn nói: "Ông mà đỗ ông nghề thì chúng bay chết với ông".

Đến khoa thi, nhờ đút lót tiền cho quan trường, hắn đỗ hương cống. Đỗ hương cống, về làng hắn không còn coi ai ra gì. Đối với người hai thứ tóc hắn cũng mày tao, làm cho cả tổng lo ngay ngáy, chỉ sợ hắn mà đỗ ông nghề thì rồi dân hàng tổng không ai cất đầu lên được.

Nhưng chẳng bao lâu, cứ lấy tiền mà rẫy, gã thanh niên ấy đỗ ông nghề thật. Đỗ tiến sĩ, hắn được vua ban áo mũ, cờ biển, vồng lọng về vinh quy, có lính theo hầu, có dân làng đón rước.

Đường từ Kinh về làng xưa lắm, phải qua rừng, qua đèo, lội suối, lại đi trong mùa hè, nên nhân dân và binh lính phục dịch rất là vất vả. Đến một khu rừng rậm, binh lính và nhân dân dừng lại để nghỉ. Mọi người mệt nhọc, nằm dưới bóng mát ngủ thiếp đi. Nghè ta được người vồng nên không mệt nhọc gì cả. Thấy rừng xanh um, lại nghe tiếng suối chảy róc rách ở gần, hắn liền dạo chơi, lần đến bờ suối, tìm tảng đá ngồi nghỉ, định nghĩ mấy vần thơ vinh cảnh vinh quy giữa núi cao rừng thẳm, nhân cũng để tỏ "chí thanh cao" của mình. Thấy nước suối xanh trong và mát lạnh, lại vắng vẻ không người qua lại, nghề ta định tắm cho thân thể mát mẻ, tinh thần sảng khoái, để nghĩ cho ra những vần thơ hay...

Hắn cởi quần áo lội xuống suối. Chua ôi! Nước mát làm sao. Nhưng tắm xong, hắn thấy ngứa ngứa khác thường, ngứa và nóng

bóng như rôm sẩy mọc lên khắp mình mẩy. Hắn lấy tay gãi thì thấy da thịt bị xước, máu chảy ròng ròng. Nhìn các đầu ngón tay, hắn thấy móng tay đã mọc dài từ bao giờ, nhọn và sắc, nhìn đến chân tay mình mẩy thì lông lá xôm xoàm. Hắn thấy trong bụng cồn cào như hun, như đốt, cổ họng như bị bỏng, khát tưởng như có thể uống cạn giếng nước đầy. Hắn đến bờ suối, cúi đầu xuống dòng nước trong mát để uống thì thấy mặt mình đã hóa ra mặt hổ, thân hình mình cũng là thân hình hổ. Hắn kinh hãi quá, lên tiếng gọi quân sĩ thật to, mong họ cứu chữa cho mình, thì tiếng của hắn đã trở nên những tiếng gầm của hổ. Hắn càng gào thét thì những tiếng ở miệng hắn thốt ra đều là những tiếng gầm vang, chấn động cả khu rừng. Nghe ta thấy mình đã hóa cọp, tức tối chạy rong một lúc, rồi cúp đuôi chạy thẳng vào hang sâu. Quân sĩ và phu tráng đang ngủ say, bỗng nghe tiếng hổ gầm dữ dội, đều thức dậy. Họ tìm khắp mọi nơi không thấy ông nghe đâu, yên trí là ông nghe đã bị hổ tha đi mất. Mọi người đành nhặt nhanh khăn gói, cùng nhau ra khỏi khu rừng, tìm đường quang đãng để đi, phu tráng thì trở về làng, còn quân lính thì trở về Kinh.

Từ đấy, cứ cách vài ngày, người ta lại thấy một con hổ xám rất lớn gầm lên những tiếng ghê rợn trên một ngọn núi trọc. Trong có ba tháng trời, con ác thú ấy đã ăn thịt hơn mười khách bộ hành. Con đường tắt qua rừng dần dần tha người qua lại. Chỉ còn một số phòng săn đến thăm dò, để giăng bẫy bắt con cọp xám. Nhưng con ác thú tinh lắm, đặt mồi to và ngon đến đâu, cũng không lừa nổi nó. Người ta nói: trong đêm thanh vắng, nó khóc thút thít như người. Săn mãi không được, những người phùng săn cũng chán nản, bỏ khu rừng ấy không đến nữa. Câu chuyện ông nghe về vinh quy bị hổ tha mất cũng lu mờ dần trong trí nhớ mọi người...

Năm sáu năm sau, có một anh nông dân cùng làng với nghề hóa cọp đi lính thú được trở về làng. Anh đến địa đầu khu rừng thì trời đã xế chiều. Anh tính nếu đi qua rừng thì sáng sớm hôm sau đã về đến nhà, còn nếu đi đường vòng qua đồi, qua các bản làng thì hai ngày nữa mới tới nơi. Anh vào một cái quán bên đường uống nước, giở cơm nắm ra ăn, và đem việc tính toán đường đi nói chuyện với nhà hàng. mấy ông già bà già đều khuyên anh không nên qua rừng và nói cho anh biết con cọp xám mỗi ngày một hung dữ. Anh vốn người gan dạ, lại đi lính thú đã lâu năm, đang nóng gập gia đình,

nên anh quyết băng rừng. Ăn đã chắc dạ rồi, anh vác một ngọn giáo, một bó nứa để phòng làm đuốc, đeo tay nải, búi nhùi, mạnh dạn đi thẳng vào rừng...

Lâu năm cỏ đã mọc kín đường mòn, phải tinh mắt lắm mới nhận ra lối đi. Anh rảo bước để ra khỏi khu rừng trước khi mặt trời lặn. Mới đầu nghe tiếng lá rơi, tiếng cành khô rơi, anh cũng nhìn trước nhìn sau, rồi càng đi sâu vào rừng, càng thêm hiu quạnh, âm u, nhưng lòng hăng hái của anh càng tăng lên. Không những anh không sợ nữa, mà còn nghĩ thầm: "Thật người ta cũng nhát quá! Hồ xám họa hoằn mới ra, chứ có đâu lúc nào nó cũng ngồi chồm chồm bên đường để rình người!". Anh vừa nghĩ xong thì chợt có tiếng động ở một bụi rậm bên đường. Tiếng sột soạt lúc nhẹ, lúc mạnh, nh có người đang kéo cành khô. Anh cầm chặt ngọn giáo, lắng tai nghe...

Thốt nhiên có tiếng gọi, tiếng khàn khàn, ô ô, như kẻ rụt lõi, không hẳn là tiếng người, nhưng dùng lời thì thật sôi:

- Anh Long đây à? Hãy dừng lại, tôi hỏi một tí.

Anh nông dân thấy gọi đúng tên mình, liền đứng lại. Trong bụi có tiếng nói tiếp:

- Tôi là Bành đây, không biết anh có còn nhớ không? Tên Bành đã đốt nhà anh, làm cho anh phải bỏ làng đi mất mấy năm ấy mà!

Anh nông dân đáp:

- Tôi nhớ ra rồi. Sao người ta lại nói anh bị hổ tha đi mất? Còn chuyện cũ kia, thôi đừng nhắc đến làm gì. Nếu có phải anh nhớ độ đường thì ra đây, tôi đưa về làng. Trời sắp tối rồi!

Có tiếng thở dài trong bụi; rồi có tiếng nói ra:

- Tôi chỉ lo anh chưa quên chuyện cũ. Bây giờ thì tôi... tôi không ra đi với anh được. Anh hãy nán lại một chút, tôi xin kể nông nỗi của tôi anh nghe...

Rồi Bành kể hết mọi việc của hắn từ ngày hắn đồ ông nghề, về vinh quy và hóa cọp.

Anh nông dân hỏi hổ xám:

- Thế bây giờ, muốn tôi giúp gì cho?

Hổ đáp:

- Tôi có đứa con trai, ngày tôi vào Kinh thi, nói mới lên hai; tôi lại còn mẹ già và vợ đại... Không biết có còn cả hay không? Nếu còn, nhờ anh trông nom, giúp đỡ cho.

Rồi hắn hỏi:

- Anh Lương ơi! Anh có thịt chín đấy không? Bao nhiêu năm nay, tôi ăn toàn thịt sống, những lúc tỉnh nh lúc này, thèm thịt chín quá...

Anh nông dân lục trong tay nải, rồi bảo con hổ:

- Còn một gói nem và một mẩu chân giò luộc đây. Ra mà ăn!

Con hổ nói một giọng sung sướng:

- Xin anh ném vào bụi cho tôi. Bây giờ khắp người tôi lông lá, hôi hám lắm, không dám đến gần anh.

Anh nông dân ném mẩu chân giò và gói nem vào bụi, rồi dặn con hổ:

- Từ nay nên vào rừng sâu, tìm kiếm hươu nai mà ăn, không nên lẩn quẩn trên đường này mà hại người.

Hổ đáp:

- Xin nghe lời anh.

Từ đó, trong đêm tối, người ta không nghe thấy tiếng con hổ xám găm trên ngọn đồi trọc nữa. Con đường tắt qua rừng lại tấp nập người qua lại. Và khắp miền ấy, ai ai cũng thuộc câu chuyện nghe hóa cọp.

NGƯỜI THIẾU PHỤ Ở NAM XƯƠNG

ở huyện Nam Xương tỉnh Hà Nam, ngày xưa có một người con gái xinh đẹp, nét na, tên là Vũ Thị Thiết, chồng là Trương Sinh, người cùng làng. Hai vợ chồng rất yêu nhau, tuy trong cảnh túng thiếu nhưng hai người không bao giờ có lời qua tiếng lại. Chỉ có một điều là Trương hay đuanghi, làm cho vợ lúc nào cũng phải ý tứ, giữ gìn.

Lấy nhau chưa được bao lâu thì Trương bị gọi ra lính.

Lúc ấy, vợ chàng có mang sắp đến ngày sinh. Trương Sinh đi chưa được nửa tháng thì nàng sinh được đứa con trai rất kháu khỉnh. Một nách con mọn, lại có mẹ chồng già, nàng thay chồng làm đủ mọi việc. Mẹ chồng ốm nặng, nàng hết sức chạy chữa trong nửa năm trời, nhưng bà cụ không qua khỏi được. Nàng làm ma cho mẹ chồng rất chu tất, xóm làng ai cũng khen.

Hơn một năm sau, quân lính đều được trở về làng. Trương Sinh về thì đứa con trai đã bập bẹ nói. Trương giơ tay bế con thì thằng bé không chịu theo.

Anh hỏi nó:

- Bố đây mà, sao con lại không cho bế?

Thằng bé bập bẹ nói:

- Bố đến tối mới đến kia.

Trương Sinh tính đa nghi, trong lòng bực tức, nhưng không nói ra. Đợi khi đứa bé ngồi một mình, chàng gạn hỏi thì thằng bé lại nói:

- Đến tối, bố mới đến. Hễ mẹ đi, bố cũng đi theo sau; mẹ ngồi, bố cũng ngồi...

Nghe con nói, Trương Sinh yên trí vợ mình đã tăng tịu với một kẻ nào trong khi mình đi vắng và kẻ ấy rất say mê vợ mình, nên mới không rời được ra như thế! Thấy vợ xinh đẹp, tươi giòn, "gái một con trông mơn con mắt", máu ghen của chàng lại càng xung lên. Trương tra hỏi vợ và giữ kín là không phải do con nói. Nàng một mực chối cãi; nhưng chàng không tin, mắng chửi, đánh đập vợ tàn nhẫn.

Làng xóm, họ hàng biết chuyện đều đến can ngăn, chàng nhất định không nghe, cho là vợ khéo đon đả cái mồm, nên mới được lòng mọi người.

Người thiếu phụ phần uất quá, ôm con khóc nức nở, rồi thừa lúc chồng sang hàng xóm, chị đặt con xuống giường, chạy ra sông đâm đầu xuống dòng nước chảy xiết.

Chồng về, biết sự chẳng lành, vội chạy ra sông, nhưng mò mãi không tìm thấy xác vợ. Đến tối đứa trẻ khóc, Trương bế con, thắp đèn dò cho nó nín. Thốt nhiên đứa trẻ chỉ vào cái bóng của Trương trên vách và nói:

- Bố kia kia!

Thì ra trong những ngày Trương đi vắng, buổi tối đứa trẻ hay hỏi mẹ: "Bố đâu?", người thiếu phụ thường chỉ vào cái bóng của mình trên vách, nói đùa với con: "Bố kia kia!".

Bấy giờ người chồng mới hiểu lời con nói. Về sau, nhân dân dựng miếu thờ nàng họ Vũ, gọi là: "Miếu vợ chàng Trương".

ÔNG THẦN SẮT

Thuở xưa có một nông dân rất nghèo, anh ở một mình trong một lều nơi bìa của một rừng. Vì không có một miếng sắt nào cả, nên anh phải làm việc rất cực khổ. Mỗi lần muốn cắt cây, anh phải lấy một miếng đá nhọn, cào mãi cực khổ suốt ngày mà chưa cắt được cây ấy. Còn lúc muốn đào đất để lấy những rễ hoặc là những quả sắn ở dưới đất, thì anh chỉ có những nhánh cây để mà đào thôi... Anh rất nghèo xấu xí. Những cô gái trong làng không dám nhìn mặt ông, và trẻ con cứ nhìn thấy ông là bỏ chạy.

Một ngày kia Phật hiện ra trước mặt và nói với anh:

- Ngày mai sẽ có ba người hành khách cưỡi ngựa và sẽ dừng lại trước nhà con để xin ngủ lại một đêm. Con hãy đón tiếp họ vào nhà mặt dù nhà của con rất nhỏ.

Hôm sau, có một người đàn ông cưỡi ngựa trắng mặc một bộ quần áo trắng tuyệt đẹp. Ông ta dừng lại nói với người nông dân một cách kiêu căng:

- Anh kia! Hãy sửa soạn cho ta một chỗ ngủ đêm nay!

Người nông dân nhìn anh ta rồi trả lời:

- Anh thứ lỗi, vì nhà tôi quá nhỏ, xấu xí và đổ nát, không đáng để anh nghỉ ở đây đâu, xin hãy đến chỗ khác!

Một lúc sau, lại có một người đàn ông khác cưỡi một con ngựa bằng vàng mặc bộ quần áo bằng vàng cũng đến nhà người nông dân

và nói những lời nói kiêu căng như người thứ nhất và người nông dân cũng trả lời như người thứ nhất.

Người thứ ba xuất hiện trên lưng con ngựa màu đen mặc một bộ quần áo màu đen cũ mòn. Ông ta xin người nông dân nghỉ lại một đêm và được chấp nhận.

Buổi sáng khi người nông dân thức dậy và không thấy người khách và con ngựa đâu cả. Trên gối của người khách chỉ thấy một miếng sắt đen thui. Người nông dân bỗng hiểu ra hai vị khách trước đó chính là thần vàng và thần bạc và anh cảm thấy rất tiếc vì đã không đón tiếp họ. Lúc đó, có một con chim sẻ bay ngang qua nhà anh và hót rằng: "Anh đừng tiếc vì đã không đón tiếp thần vàng và thần bạc, miếng sắt đó còn quý hơn, nó sẽ giúp anh trong công việc hàng ngày"

Người nông dân hiểu ra và từ miếng sắt, anh làm thành cái cuốc, cái cày để cày ruộng và đất vườn, nó đã giúp anh rất nhiều trong công việc đồng áng. Đến mùa thu hoạch, anh rất vui mừng khi thấy ruộng lúa trĩu bông, trong vườn đầy các loại hoa quả đủ màu và anh không còn phải chịu cảnh đói khổ nữa.

Từ ngày đó, với cái cuốc sắt mà vị thần ban tặng cùng với sự lao động vất vả mệt nhọc, đời sống của anh trở nên tốt hơn. Những cô gái nhìn ông với lòng nhân từ hơn, trẻ con không còn sợ ông nữa, chúng thường đến chơi trong vườn nhà ông và được ăn những trái cây mà chúng thích. Những người già thì rất vui mừng nhìn thấy anh sống vui vẻ và hạnh phúc.

SỢ DÙA

Xưa có hai vợ chồng nông dân đi ở cho một nhà giàu từ hồi còn nhỏ. Vợ chồng ăn ở hiền lành nhưng ngoài năm mươi tuổi vẫn không có con. Một hôm trời nắng gắt, người vợ vào rừng lấy củi cho chủ,

khát nước quá mà không tìm đâu ra nước, cuối cùng bà đành phải liều uống nước trong một cái sọ người ở một hốc cây. Nhưng lạ thay, uống vào khỏi cổ, bà thấy khoan khoái vô cùng, thấm thía tận ruột gan. Và từ đó bà có thai. Chín tháng mười ngày bà sinh ra một cục thịt tròn lông lốc nh hình cái sọ, có mặt mũi, mồm, tai, nhưng không có tay chân. Chồng đã mất, lại sinh ra một quái thai, bà rất buồn phiền, định đem chôn sống nó đi. Nhưng bỗng cục thịt lên tiếng nói, gọi bà:

- Mẹ ơi! Con là người đẩy mẹ ạ. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp! Bà cựa cảm động, ôm cục thịt vào lòng và nâng niu cho bú. Bà cựa đặt tên con là Sọ Dừa.

Nghe tin bà cựa đẻ ra quái thai, lão phú ông bắt bà đem chôn sống đi, nhưng bà không nghe. Lão đuổi bà ra ở túp lều xanh ở góc vườn. Nhưng hằng ngày vẫn phải đi làm cho nhà lão. Mỗi bữa đi làm về bà đem phần cho Sọ Dừa một nắm cơm. Sọ Dừa lớn lên rất nhanh và ngày càng khôn ngoan, hiểu biết. Bà mẹ và những người chung quanh quen dần và ngày càng yêu mến Sọ Dừa.

Hằng ngày, khi bà mẹ đi làm, Sọ Dừa biến thành một chú bé rất xinh đẹp, dọn dẹp nhà cửa đâu vào đấy, rồi lại chui vào cái sọ như cũ. Lúc đầu bà cựa thấy sự lạ, nhưng rình mãi không thấy gì nên cũng đành thôi.

Một hôm bà mẹ buồn bã nói với Sọ Dừa rằng:

- Con người ta lên bảy tám tuổi đã biết đi chăn trâu chăn bò, mày thì tao chẳng trông cậy được gì! Ông chủ có một đàn dê, cần người chăn mà tao vẫn chưa tìm được ai.

Sọ Dừa nói:

- Mẹ ơi, con chăn được, mẹ nhận với ông chủ đi!

Bà mẹ nói với lão phú ông, cuối cùng lão ưng thuận cho Sọ Dừa đi chăn đàn dê cho nhà lão.

Hai mẹ con Sọ Dừa rất vui mừng. Quả nhiên Sọ Dừa chăn được và chăn rất giỏi. Lão nhà giàu thấy đàn dê mỗi ngày thêm béo tốt mà Sọ Dừa lại ăn rất ít, mỗi ngày chỉ hai nắm cơm rất nhỏ thôi.

Sọ Dừa chăn dê suốt ngày ở dãy núi xưa làng. Việc đem cơm, lão phú ông giao cho ba người con gái luân phiên nhau. Hai người chị

thường đứng rất xa gọi Sọ Dừa rồi để cơm đó, mặc Sọ Dừa tự lăn đến mà ăn. Còn cô gái út đem đến tận nơi cho Sọ Dừa. Và vì thế cô biết được một điều kỳ lạ: Sọ Dừa không phải là người trần, chàng là người trời - một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, tuổi chừng mười sáu, mười bảy. Cô thấy chàng nằm trên một cái vồng đào mắc giữa hai cành cây, miệng thổi sáo, tiếng sáo khi bổng khi trầm, lúc khoan, lúc nhặt, làm cho cô bồn chồn, xao xuyến.

Từ đó, cô út đem lòng yêu trộm, nhớ thầm Sọ Dừa. Có gì ngon cô cũng để dành đem cho Sọ Dừa.

Một hôm, Sọ Dừa đòi mẹ đi hỏi một trong ba người con gái phú ông cho mình. Bà mẹ đang buồn phiền cũng ngạc nhiên, phì cười mà nói:

- Mà thì có ma nó lấy! Mình mấy chân tay chẳng có mà lại đòi lấy vợ.

Nhưng Sọ Dừa thiết tha, nằn nì, thúc giục, cuối cùng bà phải đánh bạo kiếm một buồng cau đến nói với phú ông. Lão phú ông bĩu môi cười khẩy, rồi lên giọng nói với bà cụ:

- Mụ về bảo hán sắm đủ lễ vật thì ta sẽ gả cho một đứa: một chinh vàng cốm, mười tám lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm. Lại phải dựng một căn nhà ngói năm gian, câu đầu bằng bạc, xà ngang bằng đồng.

Lão nhà giàu thì đắc ý cho là mình thách như thế thì không đời nào nhà Sọ Dừa lo được. Bà mẹ thì lo, nhưng Sọ Dừa thì điềm nhiên bảo rằng:

- Mẹ sang nói ngay với ông chủ là con có đầy đủ các thứ ấy.

Không còn cách chối từ, lão phú ông phải gọi ba cô con gái lên hỏi xem có ai ưng thuận làm vợ Sọ Dừa không? Người chị cả nghe xong chối đây đẩy. Người con thứ hai thì trả lời lấp lửng là "chưa mẹ đặt đâu con ngồi đấy", khiến lão phú ông cũng hơi lo. Còn cô con út thì trả lời dứt khoát rằng:

- Con bằng lòng lấy anh Sọ Dừa ạ!

Lão phú ông đành phải chấp nhận. Nhưng cả lão phú ông và bà mẹ Sọ Dừa đều phấp phỏng, không dám chắc là Sọ Dừa có đủ các đồ lễ vật như đã hứa.

Sáng hôm sau đến hạn nạp lễ vật mà tối hôm trước đó, bà mẹ vẫn chưa thấy gì ngoài túp lều tranh ở góc vườn. Sọ Dừa bảo bà cứ yên tâm, rồi đâu sẽ vào đấy. Quả nhiên, sáng sớm hôm sau, khi bà mẹ tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên một chiếc giường có đủ chăn hoa, nệm gấm; chiếc lều tranh đã biến đi đâu mất và thay vào đó là một tòa nhà ngói năm gian, cửa bức bàn, cột, xà đều trạm trổ, câu đầu bằng bạc, xà ngang bằng đồng đúng như lời thách của phú ông.

Bà mẹ rất ngạc nhiên về nhà cửa, đồ đạc và lễ vật sang trọng đủ mọi thứ. Bà nghĩ là mình nằm mơ, nhưng có điều làm cho bà tin là vẫn thấy Sọ Dừa lặn đi lặn lại trong nhà để sai bảo những người giúp việc.

Anh vừa gọi một tiếng, tức thì mấy chục người hầu hạ, cả nam lẫn nữ quần áo lộng lẫy đủ màu sắc, từ nhà dưới chạy lên rầm rập làm theo lời sai bảo của Sọ Dừa.

Đúng giờ hẹn, cả đoàn nhà trai đem đủ lễ vật sang nhà gái đón dâu. Phú ông chẳng biết tính sao, đành phải nhận lễ vật và gả cô gái út cho Sọ Dừa. Dân làng ai cũng ngạc nhiên, hai người chị gái thì trề môi, tặc lưỡi hết lời chê bai, mắng nhiếc cô út. Còn cô út thì rất vui, lúc nào cũng tươi cười với mọi người.

Chiều hôm ấy, Sọ Dừa đón dâu về nhà. Cỗ bàn linh đình, làng xóm ngồi đầy nhà chuyện trò như pháo ran. Đến tối khi các cây nến đã thấp sáng trng nhà trên nhà dưới thì không ai nhìn thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng, từ phòng bên bước sang một chàng trai tuấn tú khôi ngô cùng với cô dâu. Chàng trai nói:

- Thưa các cụ cùng bà con hai họ, tôi là Sọ Dừa. Vợ chồng chúng tôi xin ra chào hai họ và cảm tạ bà con đã đến chia vui và giúp đỡ cho gia đình chúng tôi.

Bà mẹ ôm chầm lấy con dâu, mừng vui không nói nên lời. Tin này bay đi, ai biết cũng ngạc nhiên và vui mừng, riêng hai người con gái lớn của phú ông thì chỉ có ghen tuông và tức tối.

Sau khi cưới vợ, Sọ Dừa ra sức học hành và thi đỗ trạng nguyên được nhà vua trọng dụng.

Khi bà mẹ qua đời, quan Trạng Sọ Dừa từ kinh đô về chịu tang được ít lâu thì nhà vua có chiếu cử chàng đi sứ. Trước khi đi, chàng đưa cho vợ một con dao, một hòn đá lửa và hai quả trứng gà, dặn vợ phải giắt luôn bên mình, khi gặp khó khăn sẽ phải dùng đến.

Hai người chị gái luôn ghen tị với em lấy được chồng tốt đẹp, giỏi giang, quyền cao chức trọng. Một hôm hai chị rủ em đi chơi thuyền trên sông gần biển, rồi lập mưu, đẩy thuyền em ra xa, dấu hết bơi chèo, khiến cho thuyền cô em bị đắm. Khi thuyền đã mất tăm, hai chị mới giả vờ hô hoán, kêu cứu.

Sau khi thuyền chìm, một con cá kinh vô cùng to lớn đã nuốt chửng cả thuyền lẫn cô em út vào bụng nó. Nhớ lời chồng dặn lúc chia tay, cô rút dao rạch bụng cá, cá vẩy vùng một hồi rồi chết. Sau đó xác cá trôi vào bờ một hòn đảo, cô khoét bụng cá chui ra. Rồi cô xẻo thịt cá ra thành nhiều miếng, phần thì phơi khô, phần thì muối mắm để ăn dần. Cô lại dùng dao đánh vào hòn đá chồng đưa để lấy lửa nấu ăn và sưởi ấm. Hai quả trứng gà để trong bọc, đủ ngày đã nở thành hai con gà, một trống, một mái.

Tháng ngày trôi qua, đàn gà sinh sôi nảy nở đông dần. Cô út tiếp tục sống một mình trên hoang đảo và chờ khi có thuyền thì nhờ giúp đỡ.

Bỗng một buổi chiều, cô nghe tiếng gà gáy: "ó ò o!... phải thuyền quan Trạng rước cô tôi về!". Cô chạy ra thì thấy một chiếc thuyền lớn, cắm cờ đuôi nheo tiến về phía đảo. Cô mừng lắm! Khi thuyền đến gần thì thấy Sọ Dừa bước lên mũi và vợ chồng nhận ra nhau, mừng mừng tủi tủi không nói nên lời.

Biết rõ sự tình, Sọ Dừa rất thương vợ và căm giận hai người chị gái, nhưng chàng vẫn không nói cho ai biết. Về đến nhà, Sọ Dừa bảo vợ lánh vào phòng trong rồi bày tiệc mời cả nhà bố vợ và dân làng đến dự. Hai người chị thi nhau ăn mặc lộng lẫy để lôi cuốn sự chú ý của Sọ Dừa. Cả hai đều tranh nhau kể lể việc người em chết đuối.

Rượu uống được nửa tuần, Sọ Dừa đứng lên xin phép vào nhà đưa một người bạn ra chào hai chị và dân làng. Khi cô út theo chồng bước ra, mọi người kinh ngạc bàn tán xôn xao. Hai người chị rụng rời tay chân rồi nhân lúc mọi người hướng về cô út, cả hai lên ra ngoài và trốn đi biệt tích.

SƠN TINH - THUY TINH

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên gọi là My Nương, sắc đẹp tuyệt trần. My Nương được vua chưa yêu thương rất mực. Nhà vua muốn kén cho nàng một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến, xin ra mắt nhà vua để cầu hôn. Một người ở vùng núi Ba Vì, tuần tú và tài giỏi khác thường: chỉ tay về phía đông, phía đông biến thành đồng lúa xanh, chỉ tay về phía tây, phía tây mọc lên hàng dãy núi. Nhân dân trong vùng gọi chàng là Sơn Tinh. Còn một người ở mãi tận miền biển Đông tài giỏi cũng không kém: gọi gió, gió đến, hô ma, ma tới - Chàng này tên gọi là Thủy Tinh.

Một người là chúa của miền non cao, một người là chúa của vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng cả.

Hùng Vương băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai. Nhà vua cho mời các quan lạc hầu vào bàn mà vẫn không tìm được kế hay. Cuối cùng, Hùng Vương phán rằng:

- Hai người đều vừa ý ta cả, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Ngày mai, nếu ai đem đồ sính lễ đến đây trước: một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, thì được rước dâu về.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến trước và được phép đưa dâu về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, bùng bùng nổi giận, đem quân đuổi theo, một hai đòi cướp lại Mỹ Nương.

Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão bùng bùng rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuộn cuộn tiến đánh Sơn Tinh. Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà, ngập cửa.

Sơn Tinh không hề nao núng, dùng phép màu bốc từng quả đồi, di từng dãy núi chặn đứng dòng nước lũ. Nước dâng lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời liền, cuối cùng Thủy Tinh đuối sức phải rút quân về.

Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù ngày càng thêm sâu, không năm nào Thủy Tinh không làm mưa làm bão, dâng nước lên đánh Sơn Tinh và lần nào Thủy Tinh cũng thua, phải bỏ chạy.

SỰ TÍCH CHIM CUỐC

Ngày ấy có đôi bạn chí thân tên là Quắc và Nhân. Họ đều là con nhà học trò nghèo, lại đều mồ côi chưa mẹ. Quắc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bồng lộc chẳng có là bao nhưng Quắc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đôi lại, có lần Quắc bị ốm nặng, giá không có bạn thuốc thang ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế phải chia tay mỗi người một ngả.

Trong khi Quắc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang hết các vùng xưa lạ làm thuê làm mướn. Trải qua một thời kỳ lang bạt, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một phú thương. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, phú thương rất tin cậy. Chẳng bao lâu Nhân được phú thương gả con gái cho.

Vợ Nhân có nhiều cửa riêng. Vì thế Nhân nghiêm nhiên trở nên một phú ông có một cơ nghiệp kha khá trong vùng.

Nhân giàu nhưng không quên tình bầu bạn. Nhân vẫn nhớ tới lời thề "sống chết sống khổ có nhau" với Quắc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng được thấy Quắc còn sống. Tuy Quắc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng thương lượng với chưa mẹ học trò cho con em chuyển sang học với một cụ đồ khác rồi đưa Quắc về nhà mình. Nhân dặn người nhà phải coi Quắc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bê trễ.

Nhưng tính vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường có thái độ khinh thị. Và chị ta không cùng sống những ngày hàn vi với Nhân nên có thấy đâu tình nghĩa giữa Nhân và Quắc nh thế nào. Nhưng thấy chồng rất trọng đãi khách nên lúc đầu vợ không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ: "Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì chưa chắc tôi đã sống để gặp nàng". Vợ Nhân chỉ lẩm bẩm: "Khéo! Bạn với bè! Chỉ có ngồi ăn hại!".

Dần dần, vợ Nhân bực mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự xưng ở đâu đến chả giúp ích gì cho nhà mình, chỉ chễm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát nhưng sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy day nghiêng cả chồng lẫn khách:

- "Chẳng phải bố già, không phải khách nợ, ở đâu lại rước về thờ phụng: ăn no lại nằm. Thôi liệu mà tống quái đi!".

Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt, chồng chị sợ mất lòng bạn. Nhân một mặt thân hành chăm chút cho bạn, một mặt khuyên dỗ vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vẫn giữ tật ấy. Về phần Quắc thì chàng

hiếu tất cả. Đã hai lần Quắc cáo bạn xin về nhưng Nhân cố sức giữ lại. Thấy bạn chí tình, Quắc lại nấn ná ít lâu.

Nhưng hôm đó, Quắc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm đến mình một cách nặng nề. Quắc nghĩ nếu mình không tính kế sớm thì sẽ có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu ra đi như mấy lần trước thì sẽ bị bạn làm lôi thôi khó khoát.

Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lên ra đi. Muốn cho bạn khỏi mất công tìm kiếm nên khi qua một khu rừng, chàng cởi khăn áo treo lên một cành cây bên đường làm như cách mình đã chết. Đoạn Quắc lần mò đi xứ khác trở lại cuộc đời gồ ghề nuôi thân.

Thấy mất hút bạn, Nhân bỏ đi tìm nhưng chẳng biết tung tích đâu cả. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mé rừng phía nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ đó là khăn áo của bạn, Nhân vô cùng hối hận:

- "Thôi ta làm hại bạn ta rồi! Chắc bạn ta bị cướp giết chết". Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác

- "Bạn ta đi trong túi không có một đồng thì dầu có gặp cướp cũng không can gì. Đây một là bị hùm beo ăn thịt, hai là bị lạc trong rừng sâu. Dù thế nào đi nữa thì nhất định bạn ta cũng đi về phương này".

Nhân bắt đầu vào rừng tìm Quắc. Không thấy có vết máu, chàng lại càng hy vọng. Nhân băng hết chông gai, chui hết bụi rậm, luôn luôn cất tiếng gọi: "Anh Quắc ơi! Quắc ơi! Quắc! Quắc!". Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong khu rừng mênh mông. Cho đến hơi thở cuối cùng người bạn chí tình ấy vẫn không quên gọi - "Quắc! Quắc!". Rồi đó Nhân chết hóa thành chim đỗ quyên.

Lại nói chuyện sau đó vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về lấy làm ăn năn về những kết quả tai hại của hành động của mình. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía nam. Nghe tiếng "Quắc! Quắc!", chị ta nhận ra là tiếng của chồng gọi ông bạn. Chị ta mừng quá kêu to: "Có phải anh đấy không anh Nhân!". Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng "Quắc! Quắc!" của con chim đỗ quyên. Vợ Nhân cứ theo tiếng chim tiến vào rừng

sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, tuyệt vọng mà chết bên cạnh một gốc cây.

SỰ TÍCH CON CÀO CÀO

Chỉ vì thích ăn diện, cô gái đẹp đòi cho bằng được ba chiếc áo ba màu. Và cô đã phải trả giá cho thói xấu của mình: bị hóa kiếp thành con cào cào suốt ngày bay nhảy với bộ áo ba màu.

Cào cào xưa kia là một cô gái đẹp. Tính cô thích ăn diện nhưng vì nhà nghèo, nên cô chưa được thỏa ý muốn.

Một hôm, nhà vua bị mất một cô công chúa. Vua sai quân lính đi tìm khắp đó đây. Lúc đó cô gái đẹp đang kiếm củi bên một gốc cây sấu lớn bên đường. Tốp lính thứ nhất đi qua, họ bèn hỏi:

- Cô ở đây có thấy ai cắp công chúa qua không? Cô gái nhìn ra thấy toán người này có nhiều quần áo đẹp, cái nào cũng mỏng bay nh lụa màu hồng. Cô thích quá liền bảo:

- Cho tôi một chiếc áo, tôi đang rét lắm.

Tốp lính bảo nhau cho cô gái một chiếc áo, rồi tiếp tục đi theo hướng cô đã chỉ.

Một lúc sau lại thấy tốp lính khác chạy qua. Tốp này mặc toàn áo xanh màu lá. Trông thấy cô gái, họ dừng lại hỏi:

- Cô ơi, cô có thấy ai cắp công chúa qua đây không?

Cô gái nghĩ: tốp trước đã cho ta áo hồng, tốp này có áo xanh. Ta xin một cái mặc cho đẹp. Nghĩ vậy, cô liền bảo họ:

- Tôi đang rét lắm, các ông cho tôi một cái áo thì tôi chỉ lối cho mà đi.

Tốp lính lại bảo nhau cho cô gái một cái áo xanh đẹp nhất, rồi họ lại theo đường cô chỉ dẫn.

Được hai cái áo, cô gái thích quá. Cô mặc vào đứng ngấm mình không chán mắt. Cô chắc thắm hôm nay về nhà ai cũng phải khen ta là đẹp.

Trong khi cô đang ngắm vuốt thì lại thấy một tốp lính nữa đi qua. Tốp này mặc toàn quần áo trắng trong như nước suối. Họ thấy cô gái cũng hỏi:

- Cô ơi, cô có thấy ai cắp công chúa chạy đường này không?

Cô gái lại quen như hai lần trước, cô lại đòi một cái áo rồi mới chỉ đường cho tốp lính đi qua.

Thế là cô được ba cái áo: Một hồng, một xanh, một trắng. Cái nào cũng mỏng bay đẹp lắm.

Cô mặc cả áo vào, ngắm nghía rồi nhảy nhót tung tăng. Bỗng trên trời có một tiếng sét nổ dữ dội, làm một cành cây sấu gãy rơi xuống đầu cô gái. Cô bị bẹp đầu rồi chết hóa ra con cào cào, suốt ngày chỉ tung tăng bay nhảy với bộ áo ba màu.

SỰ TÍCH CON CỐC

Ngày xưa ở nhà nọ có hai chị em mỗi người một tính một nết. Người chị xinh đẹp nhưng tính tình tham lam và lười nhác. Người em bị què tay nhưng rất siêng năng.

Người chị xinh đẹp cả ngày chỉ luẩn quẩn với gong và lọc chải chuốt. Vì chơi bời vô độ nên chẳng bao lâu thân thể người chị gầy khô như que củi, mặt mũi xấu xí.

Một năm nọ, trời làm lũ lụt lớn, nước ngập hết làng, cây cỏ, lúa, ngô hết đất cắm chân. Người em bèn ngồi ôm lấy chóp núi đá, kêu trời, gọi đất. Một quá, người em ngủ thiếp đi ba ngày bảy đêm liền, thấy em ngủ lạng, người chị ngỡ là em đã chết, bèn cười bè chuối chèo đi, bỏ mặc em trên chóp núi. Người em mở mắt choàng dậy thì nước vẫn chưa rút, tưởng người chị bị lũ cuốn trôi, người em rất buồn. Đợi khi mặt trời đến người em liền kêu to :

- Ôi ông trời!

Ông trời dừng lại hỏi :

- Cháu muốn gì ?

Người em nói :

- Ông cứ lấy chị cháu, chị cháu bị nước lũ nhận chìm mất rồi. Chị ấy rất xinh đẹp. Ông cứ được thì ông sẽ được lấy chị ấy làm vợ.

Ông mặt trời cười bảo :

- Chị cháu đến nhà Tiên ông rồi. Cháu hãy gieo hạt này ở chóp đá của cháu thì cháu muốn cái gì cũng được cái ấy

Nói xong, Ông Mặt Trời lại lặn đi. Cũng lúc ấy người chị chèo bè chuối đến gõ cửa nhà Tiên ông, bè chuối giạt lên sân nhà thì người chị hò hét :

- Cho tôi gặp chàng Tiên đẹp nhất.

Tiên ông nhìn ra thấy có người con gái lạ, lại đòi gặp Tiên, liền mời vào nhà. Người chị nói luôn :

- Tôi không lấy ông đâu, ông già mà xấu quá, cho tôi lấy được chàng Tiên đẹp nhất.

Tiên ông gật đầu bảo :

- Được!

Nói rồi, Tiên ông khoát tay một cái, lập tức từ trong nhà có một chàng trai đi ra, nắm tay người chị. Chàng trai là dòng họ của Cóc Tía nên Tiên ông đặt tên chàng là chàng Cóc Tía. Từ đấy, vợ chồng người chị sống cuộc sống sung sướng trong cảnh Tiên.

Người em gieo cái hạt của ông Mặt Trời cho vào kẽ đá, nàng lấy bàn tay trái của mình vờ rêu lá, giạt cả vạt áo mình phủ cho hạt được nguyên lành. Chẳng bao lâu từ kẽ đá vờn ra một dây bầu, quả to nh cái sọt. Nàng lăn bầu sếp ra chia núi. Núi bầu cứ nối nhau, nối nhau mọc xưa, vùng nước lũ cứ thu hẹp dần nhường chỗ cho bầu ở. Một ngày kia, người trên Tiên thấy có nhiều núi nhỏ lân cận cả gần trời Vợ chồng Cóc Tía nhìn xuống thì thấy người con gái cầm dao bằng tay trái cứ quật dần quật bổ bầu ra chia cho mọi người. Người chị nhận ra kẻ ngồi với núi bầu là đứa em của mình, lòng ghen ghét lại nổi lên. Mụ liền kéo tay chồng bảo :

- Cái con què ấy còn sống, nó có nhiều bầu kia kìa.

Chàng Cóc Tía chưa kịp hỏi thêm đầu đuôi ra sao thì mụ đã nắm tay chồng bảo nhảy xuống các chòm núi bầu Nhảy khỏi nhà trời, vợ chồng hẳn hiện nguyên hình một đôi Cóc Tía. Đôi vợ chồng Cóc Tía ngồi chồm chồm trên một quả bầu Người em hỏi :

- Cóc muốn gì ?

Cóc nói :

- Ta muốn nhận mày là em gái

Người em lắc đầu :

- Chị ta lên trời lâu rồi

Cóc bảo :

- Tao là chị đây, còn đây là anh rể của mày

Người em ngồi nghe Cóc Tía vợ kể lại chuyện cũ gặp lũ to, chèo bè chuổi lên trời ra sao ... Nghe mãi rồi tin lời Cóc là phải Người em liền nhận anh chị và cho ở chung trên ngọn núi cùng chăm nom dây bầu với mình. Khi ấy, ông Mặt Trời đi qua, dừng lại nói với người em:

- Anh chị đã về với cháu đấy

Người em nói :

- Vâng.

Ông Mặt Trời bảo :

- Bây giờ ta cho cháu một người chồng, cháu hãy bỏ quả bầu xấu nhất ra thì gặp chồng. Người em liền bỏ quả bầu vẹo xấu xí, vỏ bầu tách ra thì có một chàng trai khôi ngô, tuấn tú hiện ra nhận là chồng của người em, hai vợ chồng người em lại lấy quả xếp bậc xuống thấp dần. Họ xếp quả bầu đến đâu thì mực nước lui xuống đến đó. Đồng ruộng làng mạc lại hiện về như xưa. Bà con làng xóm trở về làm ăn sinh sống yên ấm.

Cũng từ đây vợ chồng Cóc Tía được người em đưa xuống cùng ăn ở, làm lụng với dân bản.

Người chị cảm phục lòng tốt của người em nên không còn ghen ghét, xấu tính với em gái như xưa nữa.

SỰ TÍCH CON MUỖI

Ngày xưa, có một chàng trai không giàu nhưng cũng không nghèo Chàng này có một người vợ rất đẹp. Đời sống của hai người ấy đơn giản. Chàng thì lo làm trông ruộng lúa, còn vợ chàng thì chăn

tầm ươm tơ. Nhưng mà thật ra, người vợ rất lười nhác, suốt ngày chỉ thích làm duyên, và mơ ước một cuộc sống giàu sang quyền quý.

Bỗng một hôm người vợ chết, anh chồng rất buồn, không muốn rời thân thể vợ và không muốn chôn vợ trong đất. Sau khi bán hết cả những đồ vật, anh ta mang theo quan tài vợ, leo lên một thuyền tam bản và đi theo dòng sông.

Một buổi sáng, chàng đến một ngọn núi xanh rờn và thơm ngát muôn hoa hiếm, tuyệt đẹp. Trên cây toàn đủ loài cây trái. Vui thích, chàng bước đi nhẹ nhàng như con bướm trong cảnh huy hoàng. Chàng gặp một ông già, tóc trắng như bông, đi chống gậy trúc, mặt đầy nếp nhăn nhưng sáng tươi như mặt của một đứa trẻ. Đó là vị thần sức khỏe. Ông nói với chàng :

- Tôi đã biết những tiết hạnh của anh rồi. Vì vậy tôi đã dựng núi trên lối đường đi của anh. Nếu anh muốn, thì tôi sẽ nhận anh trong nhóm đồ đệ của tôi.

Chàng cảm ơn ông thần, nhưng rồi nói với ông là chàng sẽ không bao giờ rời bỏ được thân thể của vợ chàng. Điều ước ao duy nhất của chàng chỉ là làm cho vợ thương mến hồi sinh lại thôi. Ông thần ngắm nghía chàng, rồi nói :

- Sao anh lại quyến luyến mảnh đất đầy đắng cay này. Những hạnh phúc niềm vui phù du chỉ là huyễn hoặc thôi. Điều điên rồ nào làm cho anh tin vào một kẻ thất thường và không chung thủy ? ... Thôi, cũng được ... Nếu anh khao khát điều đó thì tôi sẽ chấp thuận điều mong ước đó, mong rằng anh sẽ không hối tiếc sau này.

Chàng mang người yêu ra khỏi quan tài, cắt ngón tay, và nhỏ ba giọt máu trên tim của nàng. Thần diệu! nàng dần dần mở mắt ra và tỉnh dậy.

- Cô đừng có quên nhiệm vụ của cô nhé, và mãi nhớ đến sự tận tâm của chồng cô - Ông thần nói - Thôi, bây giờ hai người sống hạnh phúc đi nhé.

Trên đường về, hai người dừng chân ở một bến cảng, người chồng đi mua đồ ăn. Trong lúc đó có một ghe bầu rất to lớn dừng bên thuyền của chàng. Người chủ của ghe đó là một người buôn bán

rất giàu. Lúc ông nhìn thấy nàng ngồi đợi trong thuyền, thì ông bỗng kinh ngạc bởi sắc đẹp của nàng. Ông mời nàng lên ghe bầu uống trà, nhưng khi nàng ở trên tàu rồi, thì thuyền ông rời cảng và đi mất.

Người chồng trở lại không thấy người vợ đâu, chàng đi tìm mãi ba tháng sau mới nhìn thấy người vợ nhưng nàng sống trong cảnh xưa hoa và không muốn trở về cùng chàng. Chàng mới thấy lần thứ nhất bản chất xấu xa của vợ. Mặc dù rất đau buồn trong những phút đầu, cuối cùng chàng đành chấp nhận cho nàng đi, nhưng hỏi xin nàng một điều :

- Em hãy trả cho anh lại những ba giọt máu của anh đã tặng cho em, vì anh không muốn trong người em có một tí gì của anh cả.

Nàng rất vui mừng sẽ không phải sống với chàng nữa, lấy một con dao và trích máu ở ngón tay. Nhưng vài giọt máu vừa chảy xong, đột nhiên mặt nàng biến sắc và tắt thở.

Vì nàng là một người phù phiếm, không muốn lìa trần gian như vậy. Nàng hóa thành một loài côn trùng, suốt ngày đi tìm người chồng để lấy lại ba giọt máu để có thể sống lại như loài người và luôn luôn kêu vo vo những tiếng hối hận.

SỰ TÍCH ĐÈO PHẬT TU

Ngày xưa có bốn người đêm ngày đọc kinh niệm Phật quyết cho tu thành đạo. Bốn người có bốn họ khác nhau : Hoàng, Trần, Lý, Lắm. Ba người là đàn ông, riêng người họ Lắm là con gái.

Sau hàng chục năm tụng kinh, niệm Phật, ăn chay tu chí trong chùa, họ đều trở thành những tăng ni đắc đạo. Chọn được ngày lành tháng tốt, họ liền cùng nhau tìm đường lên núi Thiên Sơn để hóa Phật.

Đường đi Thiên Sơn xa xôi, họ phải đi ròng rã mấy năm trời mới tới nơi. Đến chân núi Thiên Sơn, cả bốn người đều thấm mệt nhưng vẫn không nản lòng. Khi tới đỉnh đèo thì trời tối, bụng đói cồn cào, họ buộc phải dừng lại nghỉ nhưng không ai chọn chỗ được. Bỗng một người trong bọn họ lên tiếng:

- Bây giờ nếu có một cây gậy ọc thì các bậc đàn anh muốn ăn gì nào ?

Mọi người đã quá đói và mệt, họ quên mất mình là những đường tu hành. Người họ Trần nói:

- Tôi ước được chén một bữa thịt chó, có đủ gia vị, cúc tần, riềng lát, rau mùi, húng chó ...

Người họ Trần đang kể lể thì người họ Hoàng ngắt lời :

- Tôi mơ ước một bữa thịt trâu. Trâu càng già càng dai, nhai càng đã răng.

Người họ Lý nói tiếp luôn :

- Tôi chỉ muốn bữa thịt gà luộc có lá chanh.

Sau cùng ni cô họ Lắm nói :

- Tôi chỉ thích một bữa rau luộc cho mát ruột và húp cho đỡ khát thôi

Sáng dậy, khi mỗi người đang chuẩn bị xuống đèo đi tiếp, thì có một ông già tóc bạc phơ chống gậy từ chân dốc đi lên, vẻ mệt nhọc, nhưng cất giọng sang sảng hỏi :

- Các người ở đâu đến đây ?

- Thưa cụ ! Bần tăng chúng tôi đi tìm đường lên núi Thiên Sơn để hóa Phật đây ạ. Dám mong cụ chỉ đường giúp cho

Nghe xong câu trả lời, ông già nói :

- Được, ta sẽ đưa các người đến núi Thiên Sơn nhưng bây giờ các người hãy nhổ nước bọt xuống lá cây xem đã.

Nói xong, ông già rút từ trong túi ra bốn cái lá bồ đề to như nhau, rồi đặt trước mặt cho từng người nhổ vào đấy. Bốn người nhổ xong, đều cảm thấy lợn giọng, ruột gan nao nao buồn nôn. Trong nháy mắt cả bốn người đều nôn tống nôn tháo. Quái lạ là đêm hôm qua ai ước ăn gì đều nôn ra thứ đó. Thấy cả ba người nôn nào là thịt gà, thịt trâu, thịt chó, duy chỉ có ni cô họ Lắm là nôn ra rau xanh.

Ông già bèn nói :

- Chính đây là đỉnh núi Thiên Sơn, các người đã đến cõi phật rồi. Nhưng nôn ra toàn những thứ kiêng kỵ, thì sao gọi là chân tu được. Các người không thể hóa Phật được đâu.

Rồi ông già ngoảnh lại chỉ vào ni cô họ Lắm nói : "Người này theo đỉnh chớp mà lên, chớ đi xuống, sắp tới nơi rồi".

Ni cô họ Lắm theo đường mà lên, rồi hóa thành Phật bà. Phật bà có nhiều phép lạ để trị bọn âm binh quấy nhiễu, giữ gìn phúc lành cho muôn dân.

Ngày nay họ Lắm thờ phật bà trong nhà và mỗi khi Tết đến cúng Phật bà, đều phải có một bát canh rau.

Còn ba người kia xấu hổ vì không được hóa Phật lại mất bao công sức tu thân, nên buồn rầu mà chết ở giữa đỉnh đèo. Người đời sau khi đi qua đèo đều phải mang một nắm đất để đắp thành mô "Phật". Mô Phật này càng ngày càng cao lên về sau được gọi là đèo Phật Tử.

SỰ TÍCH HẠT LÚA

Ngày xưa, có một người đàn bà nghèo. Chồng chết sớm, bà ở vậy nuôi đứa con trai duy nhất. Điều đáng buồn là cậu con trai càng được cưng chiều, càng đâm ra hư hỏng, bất hiếu, và không nghe lời mẹ. Bởi vì nhà nghèo, không đủ miếng ăn, người đàn bà cực nhọc trồng bắp, nuôi gà. Có trái bắp nào lớn đủ, bà luộc rồi đưacả cho con ăn, phần mình ăn chỗ còn thừa lại. Khi nào làm con gà nào, bà để cho con ăn no nê, xong rồi bà kín đáo bòn mót đồng xương vụn. Nhưng cậu con trai không thấy điều đó, cậu không thương yêu mẹ, lại còn hỗn xược và ham chơi.

Một ngày kia, người đàn bà lâm bệnh nặng. Biết mình sắp chết, bà lo lắng, kêu đứa con trai lại, khuyên nhủ rằng :

- Ngày mẹ chết, con sẽ thấy ở chỗ mẹ nằm có một loại hạt nhỏ. Con hãy bỏ vào trong chậu đất, đổ nước vào, rồi quảy về hoàng cung sẽ đổi được rất nhiều vàng bạc.

Ngày mẹ chết, cậu con trai tìm được trên gối nằm một loại hạt nhỏ bằng đầu ngón tay. Lòng tham lam, cậu liền làm theo lời mẹ dặn, bỏ hạt vào một chiếc chậu nhỏ, rưới nước vào, rồi bỏ lên lưng quảy về phía hoàng cung.

Đường về hoàng cung rất xa, phải mất cả sáu, bảy tháng đi đường. Cậu con trai mệt mỏi, tiền hết, lương thực cạn dần. Cậu bắt đầu phải xin từng bữa ăn, và khó khăn lắm mới xin được chỗ trú ngụ qua đêm. Cậu dần dần nhận ra được công lao của mẹ đã cực nhọc nuôi nấng mình trong bấy lâu. Cậu hối hận vì đã đổi xử tệ bạc với mẹ.

Về tới hoàng cung, lúc cậu bỏ cái chậu trên lưng xuống, ngạc nhiên vì thấy tự lúc nào, trên lưng cậu có một nhánh cỏ trĩu những hạt nhỏ, màu vàng xinh xắn, mùi thơm thoang thoảng, nấu ra ăn thật bùi. Cậu con trai nhớ thương mẹ, bèn thôi không đem hạt vào cung vua nữa, trái lại cậu mang giống hạt ấy về trồng, rồi phân phát cho mọi người cùng trồng ... Đó chính là hạt lúa - nguồn lương thực chính của chúng ta hiện nay.

SỰ TÍCH HOA HỒNG

Câu chuyện này xảy ra vào thời mà những khu vườn còn ngập tràn cỏ dại, các loài hoa rất hiếm và chưa có hương thơm, còn hoa hồng chỉ có một màu đỏ thắm.

Ở một làng quê nọ, nơi một dòng sông nối liền với biển, có hai đứa trẻ chơi rất thân với nhau, cô bé có mái tóc dài đen mượt, còn tóc cậu bé màu vàng tơ. Buổi sáng tinh mơ, khi mặt trời còn chưa tròn, hai đứa trẻ đã cùng nhau vui đùa trong sóng biển hay mãi mê tìm

kiếm những viên đá màu xanh. Buổi chiều muộn, lúc mặt trăng đã hiện dần vành vàng nhạt màu, cả hai vẫn còn ở trong rừng hái cho nhau những chùm quả dại ngọt lịm. Tháng ngày như thế trôi qua, nhưng chưa bao giờ cậu bé được nghe giọng nói của cô bé, vì cô bị câm từ thuở nhỏ. Và thay vì kể chuyện cho cô, cậu hát cho cô nghe những bài ca của những dân du mục thường cưỡi ngựa qua làng, những bài ca của những người đánh cá khi cả đoàn thuyền kéo về những con cá lớn, những bài ca về câu chuyện dòng sông... Hai đứa trẻ dần lớn lên, và rồi cậu bé đi học việc theo đoàn thuyền đánh cá, còn cô bé ở nhà với bố mẹ làm vườn. Cậu vẫn thường hát cho cô nghe, nhưng những sáng tinh mơ mặt trời hay những chiều tà mặt trăng không còn nữa.

Ngày cậu bé tròn 15 tuổi, đoàn thuyền đánh cá mở hội mừng cậu gia nhập. Suốt một ngày sẽ vui chơi, và buổi tối các cô bé sẽ tặng cậu hoa để rồi sớm hôm sau, cậu sẽ theo đoàn thuyền ra khơi. Chiều hôm ấy, có cô bé tóc vàng con một người đánh cá đến hỏi cô phải làm gì. Và cô rủ cô bé ấy đi tìm hoa vì cô biết những khu vườn nhiều hoa đẹp nhất.

Nhưng vào mùa hè nóng bỏng ấy, ánh nắng chói chang đã làm khô đi nhiều cây cối, suốt buổi chiều bọn trẻ đi rất xư mà chỉ tìm được vài bông hồng nhỏ. Khi mặt trời dần lặn, hai cô bé sợ lạc, và cô bé tóc vàng đứng lại trên con đường nhỏ đợi những bác thợ đi qua để hỏi lối về.

Còn lại một mình, cô bé tóc đen vui chạy như một cánh chim từ vườn này sang vườn khác, cô rẽ từng khóm lá, từng rặng cây để tìm chọn. Một làn gió dịu dàng, man mát bỗng đưa bước chân cô đến một vườn hoa, nơi một khóm hồng đỏ thắm như đang chờ đợi. Ôm vào ngực những nụ hồng chúm chím, cô lặng mình hôn lên những cánh hoa. Lạ kỳ làm sao, những bông hoa bỗng tỏa hương thơm ngọt ngào, dịu nhẹ. Vui sướng, cô nhắm mắt và thầm nghĩ: "Cám ơn trời, trời đã ban cho bạn những bông hoa này qua tôi", và nước mắt cô chảy dài trên má, khẽ rơi xuống những cánh hoa. Khi mở mắt, cô ngỡ người đi trước vẻ đẹp lạ lùng của những bông hoa. Nước mắt cô đã làm phai đi màu đỏ, những cánh hoa bên ngoài đã mang sắc trắng, và bên trong phơn phớt màu hồng.

Những nụ hoa thẹn thùng, trong trắng như e ấp, dịu dàng trên ngực cô, trong vòng tay cô.

Khi cô quay trở lại, cô bé tóc vàng đã hỏi được đường về, và cả hai cùng chạy đến nhà cậu bé. Đến gần khu vườn nhà cậu, mái tóc của cô bay theo gió và vướng vào bụi gai, cô càng gỡ càng thêm rối. Đưa cho cô bé tóc vàng bó hồng, cô giữ lại cho mình một nụ hoa, nụ hoa bé nhỏ nhất. Đứng sau lùm cây, cô bé như nghe thấy tiếng hát của cậu bé, và bên những cành lá rì rào trong gió, cô tưởng tượng nụ cười thân thương của cậu, nụ cười của mặt trời những sáng tinh mơ và mặt trăng những khi chiều tà.

Nụ hồng của cô bé đã nở ngày hôm sau và bên cô luôn có hương thơm thoang thoảng. Rồi một sớm tinh mơ, khi mặt trời còn chưa tròn, cô bé đem cành hồng ra vườn trồng. Sáng sáng cô tưới chút nước và chăm sóc cho cây hồng bé nhỏ của mình.

Mùa hè qua đi, mùa thu rồi hết mùa đông, khi mùa xuân đến, cô bé mừng vui thấy những nụ hồng đầu tiên chúm chím hé nở. Và dù cô bé không còn hôn lên những nụ hoa, dù nước mắt cô không bao giờ còn chảy trên những cánh hoa, thì kỳ diệu thay, những bông hồng mới vẫn mang hương thơm dịu ngọt và màu trắng phớt hồng.

Từ đó loài hoa hồng bạch ra đời.

SỰ TÍCH ÔNG BÌNH VÔI

Truyện kể về một người đàn bà tu hành muốn đắc đạo nhưng trong lòng vẫn đầy thói hiểm tị và độc ác, cuối cùng phải hóa thành cái bình vôi luôn để cho người đời móc ruột. Truyện thể hiện một triết lý của đạo Phật nói riêng và đạo làm người nói chung: để được chính quả, không những cần có quá trình tu luyện mà còn phải có cái tâm sáng.

Ngày xưa, có một người con gái con nhà giàu rất đẹp nhưng cũng rất kiêu. Cô làm cho các bạn gái xưa lánh mình. Cô cũng làm cho các chàng trai ghét cô vô hạn. Cũng vì thế đến tuổi lấy chồng, cô gái vẫn chưa có đám nào vừa ý. Chàng trai nào cũng bị cô chê, vì "cao chê ngồng, thấp chê lùn; lớn chê béo trực béo tròn, gầy chê xương sống xương sườn bày ra".

Nhưng rồi cô cũng lấy được chồng. Chồng cô yêu vợ nhưng lại bức mình vì thói ghen của vợ. Cô ghen chồng đến mức làm cho xóm giềng luôn luôn khó chịu vì những lời qua tiếng lại của họ. Cuối cùng hai người không vừa ý nhau và ly dị. Buồn bức vì duyên phận, cô bỏ đi tu.

Cô xuất gia ở một ngôi chùa cổ trên núi gần hai mươi năm. Chim muông, thú rừng hầu như quen thuộc bóng dáng của sư nữ. Hai mươi năm qua, cô vẫn chưa đắc đạo. Cô thắc mắc, vì tự cho mình thông kinh kệ hơn người và chịu đủ mọi sự khổ hạnh của nhà chùa. Một ngày kia cô quyết định sang Tây Trúc một phen để tìm cho ra lẽ. Đường sang Tây Trúc thiên nguy vạn hiểm nhưng cô quyết đi cho bằng được.

Một hôm, sau khi qua khỏi một trái núi, sư nữ tìm vào một ngôi nhà hẻo lánh dọc đường để nghỉ chân. Hai mẹ con chủ nhân tuy người rừng núi quê mùa, nhưng vốn là kẻ ăn chay niệm Phật, nên thấy khách là nhà tu hành thì tiếp đãi rất hậu. Khi họ được nghe kể công trình tu luyện của sư nữ thì họ càng cung kính, coi như bậc thầy. Và khi họ biết ý định của sư nữ thì họ cũng xin phép bỏ nhà bỏ cửa đi theo thầy để mong được đắc đạo. Nghe họ cầu khẩn, sư nữ cười:

- Hai mẹ con nhà này cũng muốn thành Phật ? Được, cứ đi theo ta!". Nhưng bụng nàng bảo dạ: "Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chính vứt ngoài bờ tre".

Từ hôm đó nhà sư nữ có thêm hai bạn đồng hành. Chân bớt mỏi, đường bớt dài, họ đi chả mấy chốc đã tới đất Thánh. Từ trước đến sau, hai mẹ con nhà họ vẫn cung kính, coi sư nữ như thầy. Còn sư nữ đối với họ không được như trước:

- Không biết chừng họ được thành Phật trước ta. Họ sẽ hơn ta... Bọn này mà đắc đạo, thật là một điều nhục cho Thiên môn.

Nói chuyện đức Phật khi vừa nghe tin có người tìm đường đến Tây Trúc, cầu đạo, vội hóa thân đi theo dõi. Từ đầu đến cuối, đức Phật vẫn không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ của sư nữ. Khi họ sắp qua một con sông rộng, đức Phật hóa phép hiện ra ở bên kia bờ một tòa cổ tự, trước cửa có một cây bồ đề rất lớn, để chờ họ.

Muốn cho hai mẹ con khỏi lẻo đẻo theo mình đến đất Thánh, nên khi qua sông, sư nữ giả cách ngạc nhiên, chỉ ngôi chùa và cây bồ đề bảo rằng:

- Kia, chúng ta đã tới Tây Trúc. Chóng thật! Chính là cây bồ đề của đức Thế tôn tu luyện ngày xưa. Thôi! Hai mẹ con cứ việc trèo lên một cành cao niệm kinh rồi buông tay rơi xuống là tự khắc thành Phật!

Tin tưởng ở lời nói của bậc thầy, hai mẹ con mừng rỡ làm theo không chút ngần ngại. Nhưng khi họ buông tay cho người rơi xuống thì đức Phật đã đón họ đưa lên trời. Có bốn vị La Hán mang tòa sen đến rước đi. Tay hai mẹ con vẫy vẫy như có ý gọi người bạn đồng hành.

- "Đúng là họ thành Phật rồi!". Sư nữ vừa kinh ngạc vừa mừng, vội trèo lên cây để làm nh họ và để mong được như họ.

Nhưng đức Phật đã có ý trừng phạt người đàn bà kiêu ngạo và độc ác ấy một cách đích đáng, nên đã để cho bà ta rơi thịch xuống đất, tan xương vỡ sọ. Và sau đó đức Phật lại bắt người khốn nạn ấy hóa thành bình vôi. Tại sao lại hóa thành bình vôi? Có người bảo là chính đức Phật muốn bắt những kẻ trong lòng bất nhân, nhưng lại đeo bộ dạng từ bi phải để cho người đời luôn luôn móc ruột.

SỰ TÍCH THỎ TẠI DÀI ĐUÔI NGẮN

Trong một khu rừng nọ, có một con cọp dữ và một con heo rừng hung hãn. Cọp và heo, con thì cậy có móng vuốt sắc, con thì cậy có bộ nanh dài, bắt nạt tất cả mọi loài. Các con vật đều không thể nào sống yên lành với hai con thú hung ác này được.

Mọi loài kéo nhau đến nhà thỏ, để bàn cách giết cọp và heo rừng. Chúng nghĩ mãi, vẫn chẳng tìm ra cách gì. Bỗng thỏ reo to:

- Tôi nghĩ ra rồi! Tôi nghĩ ra rồi!

Các con vật xúm lại. Thỏ ghé tai nói thầm với chúng. Cả bọn đều phục mưu trí của thỏ.

Sáng hôm sau, thỏ tìm gặp cọp trong một bụi rậm. Thỏ khẽ nói vào tai cọp:

- Bác cọp ơi! Thằng heo rừng cứ luôn nói xấu dọa dẫm bác mà bác không biết sao?

Cọp vừa nghe thấy vậy đã giận dữ gầm lên:

- Cái gì? Thằng heo rừng mà dám nói xấu và dọa dẫm ta? Nó nói gì vậy?

- Chu chưa! Thỏ làm bộ bí mật - Thằng heo rừng nói bác cọp miệng to, răng to, mắt to mà nhút nhát, chỉ dám bắt nạt bầy dê và loài heo nhà thôi. Heo rừng còn bảo: nếu gặp bác, nó sẽ đâm thủng bụng bác.

Sau đó, thỏ lại chạy theo đường tắt đến tìm gặp heo rừng. Heo rừng đang ngủ trong một cái hang sâu. Thỏ lay heo rừng dậy, giả bộ sợ hãi nói:

- Bác heo ơi! Trốn mau đi! Thằng cọp đang tìm bác để ăn thịt đấy! Nó bảo phải cẩn cổ heo rừng, vì heo rừng chỉ chuyên phá mì, phá bắp.

Heo rừng hộc lên giận dữ. Thỏ nói thêm:

- Thằng cạp nói rằng phải cần cổ bác, xem tim bác có to không.
Heo rừng vốn lì lợm và ngang ngạnh. Nó chẳng nói chẳng rằng, chạy ngay đi tìm cạp.

Hai con vật hung dữ gặp nhau. Chúng mắng nhiếc, xỉ vả nhau thậm tệ. Cạp nói rằng heo rừng là loài chết đói. Heo rừng rửa cạp là bị quỷ Brông ăn thịt. Mỗi lúc chúng một hung hăng, nhưng chúng vẫn sợ nhau. Chúng hẹn bảy ngày nữa sẽ gặp nhau để thử sức.

Trong bảy ngày ấy, cạp lăn mình mãi ở trên đồi cỏ tranh cho khỏe người. Cả đồi cỏ tranh bị cạp lăn trở thành xơ xác. Cạp định bụng phen này sẽ ăn thịt heo cho hả giận. Còn heo rừng cũng lăn mình trong bùn suốt bảy ngày, để bùn trát vào da hết lớp này đến lớp khác. Heo rừng định bụng làm gãy răng cạp, đâm cạp lòi ruột ra để cạp hết thói ba hoa.

Đến ngày thứ bảy, cạp và heo rừng gặp nhau ở một trảng lớn ven suối. Chúng chẳng nói với nhau một lời, cứ lẳng lặng xông vào cắn xé nhau. Thỏ ngồi trên một thân cây thông, hò hét âm ỉ, kích cho hai con vật đánh nhau chí tử.

Cạp và heo rừng đánh nhau cho đến khi trời tối mịt, lại suốt cả ngày hôm sau. Cạp nhiều lần ngoạm vào mình heo, bị gãy cả răng. Khắp mình heo rừng cũng đầy vết thương. Cả hai con vật, máu chảy đầm đìa, cùng gầm lên giận dữ và đau đớn. Mọi thú rừng đều im tiếng theo dõi hai tên chúa rừng đánh nhau. Riêng thỏ vẫn ngồi trên thân cây thông hò hét cổ vũ làm cho hai con vật càng điên tiết lao vào nhau mạnh hơn.

Đến ngày thứ ba, heo rừng bị què một chân, còn cạp bị mù một mắt. Chúng lão đảo lao vào nhau lần cuối cùng. Cả hai con vật ngã nhào xuống suối. Chúng chìm ngấm, không đủ sức bơi vào bờ nữa.

Giữa lúc mọi loài vật kéo nhau ra suối xem xác hai con vật hung ác, thỏ bỗng thấy đuôi nó bị nhựa thông dính chặt vào thân cây thông. Thỏ cố sức đứng dậy, vùng ra, mà không được. Nó đành ngồi nghĩ, nghĩ mãi, và rồi nghĩ ra một kế. Thỏ chờ đúng lúc bác voi ở trong rừng đi ra, liền hét lên thật to.

- Dừng lại! đây là suối nước của ta. Ai ra suối cũng phải xin phép!

Bác voi sững lại ngạc nhiên: một chú thỏ nhãi ranh mà dám bắt nạt một bác voi to lớn! Voi tiếp tục đi. Thỏ lại quát:

- Dừng lại! Đây là suối nước của ta. Ai ra suối cũng phải xin phép. Không xin phép, ta sẽ ăn thịt.

Bác voi bực mình, bèn dừng lại, túm lấy tai thỏ, nhấc nó lên và quăng sang một bên. Thỏ đau điếng nhưng mừng vì thoát nạn, cầm cổ chạy vào rừng.

Thỏ bị bác voi túm tai nên tai dài ra. Còn đuôi thỏ trở nên ngắn cùn vì một mẩu đuôi bị đứt, dính ở thân cây thông ngày ấy!

SỰ TÍCH TRÁI DƯA HẤU

Đời xưa, thời vua Hùng Vương, đất nước ta có núi cao, có sông rộng, trời đẹp nắng vàng, nhưng đồng ruộng thưa thớt, hoa quả chưa có nhiều thứ thơm ngọt như bây giờ. Vua Hùng Vương thứ mười bảy có một người con nuôi là An Tiêm có tài tháo vát và có trí hơn người. Vua yêu mến An Tiêm thường ban cho của ngon vật quý.

Thói thường, các quan được một chút lộc vua thì nâng niu ca tụng; riêng An Tiêm thường bảo: "Của biếu là của lo, của cho là của nợ!" và xem thường các thứ ấy. Việc đến tai vua, vua giận lắm, bảo: "Đã thế ta cho nó cứ trông vào tài sức của nó xem có chết rũ xương ra không".

Thế là một buổi sớm, tự nhiên An Tiêm thấy lính đến giải cả chàng lẫn vợ con xuống thuyền, chẳng cho mang theo một cái gì hết. Chàng nói mãi chúng mới để cho đem một cái gươm cùn hộ thân. Buồm căng gió, thuyền tròng trành nhằm biển khơi thẳng tiến. Bãi cát trắng, vệt cây xanh trong bờ lần lượt khuất đi, rồi bèo bọt, rác rưởi, dấu vết của dân c cũng không còn nữa, bây giờ chỉ thấy trời với nước xanh ngắt một màu.

Hôm sau thuyền đến một đảo nhỏ. Họ để gia đình An Tiêm lên bờ với năm ngày lương thực, một chiếc nồi, rồi nhổ neo quay lái. Nàng Ba, vợ An Tiêm, bế con nhìn theo chiếc thuyền dần dần ra xa rồi khuất mất, nước mắt nhỏ như mưa. Từ nay có bao giờ nàng lại được cùng hàng xóm chia nhau những bắp ngô đầu mùa, hay nói một câu chuyện gia đình dưới ánh trăng! Quay vào hòn đảo hoang vu nàng lại càng khiếp sợ hãi hùng, không biết rồi đây lấy gì mà ăn để sống tạm cho qua ngày tháng.

An Tiêm dắt vợ con tìm được một cái hốc đá ở tạm. Rồi chàng cấp gơm đi thăm dò. Hòn đảo quả thật hoang vu, chỉ có ít cây cỏ lơ thơ và mấy loài chim biển. Tìm mãi mới thấy vài thứ quả chát chua và rau dại ăn tạm cho đỡ đói. Từ đấy, ngày ngày An Tiêm trồng rau và tìm quả, nàng Ba thì ra bờ biển mò con ngao, cái hến. Đứa con lớn của An Tiêm bắt chước cha cũng cầm cùi làm bẫy đánh chim. Nhưng rồi chim dần dần quen bẫy, có khi suốt ngày thằng bé không bắt được một cái lông. Cá nhiều nhưng không lưới, quả thì có mùa. Cho nên thức ăn chính của vợ chồng con cái An Tiêm vẫn là mấy thứ rau dại mà chàng trồng thành rau vườn. Cuộc đời của bốn người vô cùng lao đao, vất vả, chẳng khác giống chim muông bao nhiêu. Tuy vậy An Tiêm vẫn tin rằng một ngày kia, mình có thể làm cho đời sống khá lên.

Một hôm có con chim đương ăn ngoài bãi thấy An Tiêm đến, vội bay đi, bỏ lại một miếng mồi đỏ đỏ. An Tiêm cầm lên xem thì là một mảnh quả da bằng hai ngón tay. Chàng nghĩ thầm chim ăn được có lẽ người cũng ăn được, bèn nếm thử thì thấy có vị ngọt. Chàng ăn hết miếng da và nhặt hạt gói lại. Ngồi nghỉ một lát thấy mát ruột, đỡ đói, chàng có ý mừng, lấy gươm xới một khoảnh đất mà gieo hạt xuống.

ít ngày sau mấy hạt dưa mọc mầm đâm lá, bò tỏa ra khắp khoảnh đất. Nàng Ba cũng giúp chồng sớm chiều săn sóc mấy dây da lạ. Vợ chồng hồi hộp trông thấy mấy cái hoa đầu tiên hé nở, rồi hoa kết quả, lúc đầu bằng ngón tay út, ít lâu sau đã như con chuột, rồi con lợn con. Thấy nó lớn mãi như không bao giờ thôi, An Tiêm cũng không biết lúc nào nên hái.

Một buổi sớm tinh mơ, nghe tiếng quạ kêu ngoài bãi, nàng Ba bảo chồng:

- ở đây hoang vắng, quạ không tụ họp bao giờ, nay chúng nó kêu inh ỏi một nơi, tất là có sự lạ. Anh ra xem thế nào!

An Tiêm ra đến bãi thì đàn quạ bay đi bỏ lại quả dưa chúng vừa mổ thủng vài nơi. Chàng cắt da về. Khi chàng bỏ dưa ra, cả nhà lóa mắt vì màu đỏ tươi của ruột dưa. Đây đó giữa màu đỏ, có những hạt đen như hạt huyền và bọc ngoài một lớp vỏ trắng viền xanh. Hai đứa bé thèm nhỏ nước rãi, nàng Ba thì cứ tấm tắc khen quả trông ngon mắt. An Tiêm cẩn thận cắt cho mỗi người một mảnh nhỏ ăn thử. Bốn người như một, khen ngợi cái vị thanh ngọt, cái mùi thơm nhẹ nhàng của quả lạ, ăn vào không những không xót ruột lại còn thấy đỡ khát và khỏe người ra. Đến trưa, An Tiêm mạnh dạn bỏ hết quả dưa cho con ăn đến no.

Bấy giờ cả nhà An Tiêm mừng rỡ, bồng bế nhau ra bãi, chọn những quả sẫm màu da đem về, còn lại thì thay phiên nhau canh quả. Và từ đấy, họ cứ trồng thêm ra mãi. Tất cả nông cụ chỉ gồm có một cái gươm cùn và mấy hòn đá mài bén, vì vậy thêm một gốc dưa là thêm không biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Nhưng họ chăm sóc hết lòng, nhờ vậy giống dưa càng ngày càng sai, quả càng to, thịt dày thêm mãi, vỏ mỏng dần đi, vị càng thơm ngọt. Cứ mỗi lần hái dưa, An Tiêm lấy mấy quả đánh dấu thả ra biển. Dưa trôi biệt tăm tích không biết bao lần, trắng non rồi trắng già không biết bao bận, An Tiêm vẫn không ngã lòng. Quả nhiên một hôm có một chiếc thuyền ghé đến hỏi xem ai đã trồng được giống da quý, để đổi về đem bán trên đất liền. Từ đấy An Tiêm đổi được các thức ăn dùng thường ngày và còn cất được một cái nhà lá xinh xinh.

Về phần vua Hùng Vương, từ ngày bỏ An Tiêm ra hoang đảo, vua yên trí rằng An Tiêm đã chết rồi, đôi khi nghĩ đến cũng có bùi ngùi thương hại. Cho đến một ngày kia, thị thần dâng quả dưa lạ, vua ăn ngon miệng bèn hỏi thăm tung tích, mới biết là do An Tiêm trồng ngoài đảo. Vua ngẫm nghĩ thấy mình sai, cho thuyền ra đón gia đình An Tiêm. An Tiêm và nàng Ba mừng rỡ, thu lượm hết những quả dưa chín và hạt giống đem về phân phát cho bà con hàng xóm, và truyền dạy cách gieo trồng, chăm bón. Đó là nguồn gốc giống da hấu mà chúng ta ăn ngày nay.

Về sau khắp nước ta đều có giống da hấu. Nhưng người ta nói chỉ có huyện Nga Sơn là trồng được những quả ngon hơn cả, vì nơi ấy xưa là hòn đảo An Tiêm ở, trải qua mấy nghìn năm nước cạn, cát bồi nay đã liền vào với đất.

SỰ TÍCH CON BỌ HUNG

Ngày xưa bầu trời rất thấp không cao vời vọi nh ngày nay. Người ở dưới trần gian khi giã gạo cũng chạm cả vào bụng trời. Sáng tinh mơ mọi người đã thi nhau giã gạo có khi đâm cả vào bụng trời ngay cả lúc trời còn đang ngủ. Vào những ngày Tết đến khuya người ta vẫn còn giã gạo, trời buồn ngủ lắm mà bụng vẫn cứ bị những nhát chày thúc vào đau điếng.

Trời tức lắm không biết làm thế nào bèn ra lệnh cho trần gian bớt giã gạo may ra mới có thể yên thân được. Trời liền sai bọ hung đến để truyền tin này xuống trần gian.

- Người hãy xuống truyền lện cho người trần gian rằng từ nay trở đi ba ngày mới được ăn một bữa, mỗi bữa chỉ được ăn ba lưng.

Bọ hung vốn đáng trí, cứ nói trước quên sau, bao lần đi truyền lệnh sai thường bị nhà trời quở phạt nhưng tính tình ngoan ngoãn. Lần này bọ hung tự nhủ không truyền lệnh sai nữa nên vừa ra khỏi cửa là luôn mồm lắm bẩm: "Ba ngày ăn một bữa, mỗi bữa chỉ được ăn ba lưng..."

Bọ hung cứ thế đi từ trời xuống trần gian. Một nông dân đi cấy, thấy bọ hung lắm bẩm liền lắng nghe. Rồi anh ta nấp vào bụi cây, khi bọ hung đi qua liền hét lên một tiếng. Bọ hung giật mình vì bất ngờ nên quên khuấy câu mình nhớ. Bọ hung tức giận định cãi nhau với anh nông dân nhưng trước hết anh ta phải nhớ lại câu mà trời dặn, nghĩ mãi không ra, người nông dân liền nhắc:

- Có gì đâu, mày đang nói: "Một ngày ăn ba bữa, còn ăn vặt thì không kể"

Bọ hung mừng rồi rít quên cả việc định đôi co với anh chàng nông dân và tiếp tục đi

"Một ngày ăn ba bữa còn ăn vặt thì không kể..."

Nghe nói có bọ hung mang lệnh nhà trời xuống, vua trần gian ra để nhận chiếu

"Một ngày ăn ba bữa..."

Vua trần gian nghe hoảng quá, ăn nhiều như vậy thì làm bao nhiêu cho đủ. Trước ăn mỗi ngày có hai bữa phải giã gạo làm trời mất ngủ, kỳ này chắc nhà trời càng quở mắng.

Bọ hung truyền lệnh xong liền trở lại về trời. Nhà trời thấy từ ngày ra lệnh cho người trần gian ăn ít đi, mà sao lại giã gạo nhiều hơn trước, lấy làm lạ bèn triệu vua trần gian lên hỏi nguyên do

Vua trần gian kể lại khi nhận lệnh các quận thần đều đến đông đủ để nghe chiếu chỉ của nhà trời do bọ hung truyền xuống là phải ăn nhiều hơn trước. Bấy giờ nhà trời mới vỡ lẽ việc bọ hung truyền sai lệnh.

Nhà trời tức quá liền cho gọi bọ hung đến đánh cho một trận. Sau đó, cấm cái xẻng vào đầu để đi làm nghề xúc phân. Từ đó bọ hung phải đi hốt phân không kể ngày đêm.

Lệnh đã truyền đi, không thu lại được nữa, dân chúng hạ giới ngày đêm giã gạo không ngơi tay Nhà trời mất ăn mất ngủ liền miên đành phải chuyển lên thật cao để con người không còn đụng chạm tới nữa.

TẮM CẨM

Tắm và Cẩm là hai chị em cùng chưa khác mẹ. Mẹ Tắm chết từ hồi Tắm mới biết đi. Sau đó ít năm, người chưa cũng chết. Tắm ở với dì ghẻ là mẹ của Cẩm. Tắm phải làm lụng quần quật suốt ngày; còn Cẩm được mẹ nuông chiều, chơi đông dài ngày nọ qua ngày kia.

Một hôm, mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi người một cái giỏ, bảo ra đồng hót tép, ai đầy giỏ thì được thưởng một cái yếm đỏ. Tấm ra đồng không quản trời nắng, mải miết hót được đầy một giỏ vừa tôm vừa tép. Còn Cám nhớn nhoe hết bờ này bụi nọ, hái hoa, bắt bươm; trời đã về chiều mà giỏ của Cám vẫn chưa có tí gì.

Thấy Tấm giỏ đầy tép, Cám bảo chị:

- Chị Tấm ơi, đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kéo về mẹ mắng.

Tấm tin là thật, xuống ao, ra tận chỗ sâu tắm rửa. Tắm xong, Tấm lên bờ, sờ đến giỏ tép thì chỉ còn giỏ không: Cám đã trút hết tôm tép của Tấm vào giỏ mình và về trước mất rồi.

Tấm ngồi xuống bờ ruộng, bng mặt khóc nức nở. Thốt nhiên, Tấm thấy sáng người trước mặt... Bụt hiện lên hỏi:

- Sao con khóc?

Tấm kể sự tình cho Bụt nghe, Bụt bảo:

- Con thử xem trong giỏ còn có gì không?

Tấm nhìn vào giỏ và tha:

- Chỉ còn có con cá bống.

Bụt bảo Tấm:

- Con đem cá bống về thả xuống giếng mà nuôi; mỗi bữa, đáng ăn ba bát thì con ăn hai, còn một thì đem cho Bống. Mỗi lần cho ăn thì con nhớ gọi: "Bống bống bang bang, mày ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.". Dứt lời, Bụt biến mất. Tấm theo đúng lời Bụt dặn, mỗi bữa ăn, Tấm bớt một bát cơm, giấu đi đem cho Bống. Mỗi lần, nghe tiếng gọi là Bống lại ngoi lên mặt nước, đớp kỳ hết cơm, rồi mới lặn.

Thấy sau bữa ăn nào Tấm cũng ra giếng, mụ dì ghẻ sinh nghi, sai con đi rình. Một lần kia, sau bữa ăn, Cám ra giếng, nấp sau một bụi cây. Nghe Tấm gọi Bống, Cám nhắm cho thuộc, về kể cho mẹ nghe.

Sáng hôm sau, mẹ Cám nắm sẵn một nắm cơm, gọi Tấm đến đưa cho, dặn rằng:

- Con ơi, con! Hôm nay, chăn trâu thì chăn đồng xa, chớ chăn đồng nhà, làng bắt mất trâu.

Tấm vâng lời dì ghẻ, cho trâu đi ăn thật xua. ở nhà, hai mẹ con Cám đem bát cơm ra giếng, cũng gọi Bống như Tấm đã gọi. Bống nổi lên mặt nước, hai mẹ con Cám vội bắt lấy đem về làm thịt.

Đến chiều Tấm dắt trâu về. Cũng như mọi lần ăn xong, Tấm đem cơm cho Bống. Tấm đứng trên bờ giếng gọi mãi mà mặt nước vẫn phẳng lặng, không thấy Bống đâu cả. Một lúc lâu, một cục máu nổi lên, Tấm bùng mặt òa khóc.

Giữa lúc ấy, Bụt hiện lên, hỏi Tấm:

- Sao con khóc?

Tấm kể hết sự tình. Bụt bảo:

- Con Bống của con, người ta ăn thịt mất rồi. Con về nhà nhặt lấy xương nó, kiếm lấy bốn cái lọ mà đựng, rồi đem chôn ở chân giường.

Về nhà, Tấm tìm mãi, không thấy được cái xương nào. Con gà thấy thế, kêu:

- Cục ta cục tác, cho ta nắm thóc, ta bới xương cho!

Tấm bốc cho gà nắm thóc. Gà vào bếp bới một lúc thì xương Bống phơi cả lên mặt tro. Tấm nhặt bỏ vào bốn cái lọ, đem chôn ở bốn chân giường.

Mụ dì ghẻ bắt Tấm làm việc mỗi ngày một nhiều, còn hai mẹ con mụ thì ăn trắng mặc trơn, không hề nhúng tay vào một việc gì.

Được ít lâu, có tin vua mở hội. Hai mẹ con con Cám hí hửng sắm sửa quần lành, áo tốt, còn Tấm vẫn quần áo rách mướp. Đến ngày hội, mẹ con Cám lấy một đấu gạo trộn với một đấu thóc, bảo Tấm rằng:

- Phải nhặt cho xong mớ gạo lẫn thóc này, mới được đi xem hội.

Dặn xong, mụ tất tả đưa con gái đi ngay.

Ngồi nhặt thóc được một lúc, Tấm bực dọc, tủi thân, òa lên khóc. Bụt lại hiện lên hỏi:

- Sao con khóc?

Tấm thưa:

- Hôm nay là ngày hội, dì con đem thóc trộn với gạo, bắt con nhặt hết thóc mới được đi xem...

Bụt bảo Tấm:

- Để ta sai một đàn chim sẻ xuống nhặt giúp con.

Đàn chim sẻ bay xuống kêu ríu rít, nhặt thóc ra đàng thóc, gạo ra đàng gạo. Chỉ trong chớp mắt, đàn chim đã nhặt xong.

Nhưng nhìn đến bộ quần áo rách như xơ mướp của mình, Tấm tủi thân muốn khóc. Bụt lại hiện lên bảo Tấm:

- Con hãy đào bốn cái lọ ở chân giường lên thì sẽ có quần áo mặc.

Tấm đào lên thì thấy đủ cả quần áo, khăn, giày đẹp đẽ. Một bộ áo mới ba màu quan lục, màu hoa đào, màu hoàng yến, một cái yếm màu hoa hiên, một cái quần nhiều điều, rồi nào thắt lưng hoa đào, khăn nhiều tam giang. Đến đôi giày văn hài thì thật xinh xẻo, chỉ đôi chân bé nhỏ của Tấm mới đi vừa. Tấm mặc quần áo, nòng chân vào giày, thấy thứ nào cũng đều vừa cả. Tấm lại lấy ở một cái lọ ra được một con ngựa bé tí tẹo. Tấm vừa đặt con ngựa xuống đất thì nó hí lên một tiếng rồi lớn lên bằng con ngựa thật, có đủ cả yên cương.

Vui sướng quá, Tấm tắm rửa sạch sẽ, rồi thay bộ quần áo mới vào, cưỡi ngựa đi xem hội. Đến chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước. Tấm vội xuống ngựa, mò mãi mà không thấy.

Một lúc sau, voi của vua đi đến chỗ lội, cứ gằm lên không chịu đi. Vua sai lính hầu thử xuống nước mò xem thì nhặt được một chiếc giày văn hài thật xinh xẻo. Vua ngắm nghía chiếc giày, rất vừa ý. Vua truyền lệnh hễ trong đám đàn bà, con gái đi xem hội, ai ướm vừa chiếc giày thì vua sẽ lấy làm vợ.

Đàn bà, con gái trong đám hội chen nhau đến ướm chân. Cả hai mẹ con Cám cũng đến ướm, nhưng không chân ai vừa cả. Đến lượt Tấm xin đến ướm thử, thì vừa vặn xinh. Chiếc giày văn hài mà lính nhà vua nhặt được cùng với chiếc giày Tấm đang cầm ở tay vừa đúng một đôi.

Cám đứng ngoài xem, thấy một người con gái tươi giòn rõ là Tấm, liền gọi mẹ bảo rằng:

- Mẹ ơi, trông ai như chị Tấm nhà ta!

Mẹ nó bảo:

– Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh ném ngoài bờ tre. Chị Tấm nhà mày làm gì có quần áo đẹp mà đến đây!

Đến khi quân lính đem kiệu đến rước Tấm về cung, hai mẹ con con Cám sán đến gần xem, mới biết đích là Tấm. Hai mẹ con đều lấy làm lạ, không biết Tấm đã lấy được quần áo và ngựa ở đâu mà đẹp thế.

Vào cung vua, Tấm rất sung sướng, nhưng Tấm vẫn nhớ con trâu mình thường chăn dắt trên đồng cỏ xanh, nhớ vườn ruộng mình thường chăm bón những ngày sương thu, nắng hạ. Nhân ngày giỗ bố, Tấm xin phép vua về thăm nhà.

Thấy Tấm bây giờ sung sướng, mặt mày ghẻ rất ghen ghét, nhưng ngoài mặt thì niềm nở, vui cười. Mẹ bảo Tấm:

- Con trèo lên cây cau, xé lấy một buồng để cúng bố.

Tấm vâng lời, trèo lên cây. Tấm đang mải với tay xé buồng cau thì mặt mày ghẻ chặt gốc cây. Thấy cây rung mạnh, Tấm hỏi thì mẹ trả lời:

- Dì đuổi kiến cho con đẩy mà!

Cây cau gãy, Tấm ngã lộn xuống ao chết. Mặt mày ghẻ lột hết quần áo của Tấm, mặc vào cho Cám và đưa con gái mình vào cung vua, nói dối là Tấm không may bị ngộ cảm chết, nên đưa em vào thay chị.

Tấm hóa chim vàng anh, bay thẳng vào cung vua. Vua đi đâu, chim cũng bay theo. Thấy Cám thua chị đủ mọi bề, và thấy con chim quăn quýt mình, vua thương nhớ Tấm, bảo chim vàng anh rằng:

– Vàng anh vàng anh, có phải vợ anh chui vào tay áo!

Vua vừa nói dứt lời, chim vàng anh chui tọt vào tay áo vua.

Một hôm, trong khi Cám giặt áo cho vua, chim vàng anh đậu ở cành cao, bảo nó:

– Giặt áo chồng tao, thì giặt cho sạch, giặt mà không sạch, tao rạch mặt ra; phơi áo chồng tao, thì phơi bằng sào, chớ phơi bờ rào, tao cào mặt ra!

Nghe chim kêu, Cám vừa lo sợ vừa tức giận. Vua rất yêu chim, cho chim ở lồng son, đi đâu cũng xách đi theo. Thấy thế, Cám càng thêm ghét chim.

Một hôm, Cám về nhà chơi, đem chuyện kể với mẹ. Mẹ nó bảo: Bóp chết con chim đi, đem nướng cho mèo ăn, rồi chôn lông chim cho mất tích. Về cung vua, Cám rình lúc vắng, bóp chết chim vàng anh, nướng cho mèo ăn, còn lông chim nó đem chôn sâu ngoài vườn, đúng nh mẹ nó dặn. Chẳng bao lâu, ở chỗ chôn lông chim mọc lên một cây xoan đào thật đẹp; cây lớn rất mau, cành lá sum suê. Vua thấy cây xoan đào đẹp, liền mắc võng vào cây nằm nghỉ. Cứ mỗi khi nằm dưới bóng mát cây xoan đào, vua nh thấy hình ảnh Tấm hiện ra trước mắt, nên lại càng vườn vít với cây, không thiết gì đến Cám. Cám không nói ra, nhưng trong lòng ghen lồng ghen lộn.

Nhân một ngày gió bão, vua lại đi vắng xưa, Cám chặt cây đi, lấy gỗ xoan đào đóng khung cử. Trong khi Cám ngồi dệt vải, con ác bằng gỗ trên khung cử kêu: "Cót ca cóc két, lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra!". Nghe con ác kêu, Cám sờn cả tóc gáy, vội ném thoi đi, không dám dệt nữa.

Cám về kể với mẹ, mẹ nó bảo: "Đốt khung cử đi và đem tro đổ rõ xa". Cám đốt khung cử, rồi đem tro đổ tận bên đường, thật xa cung vua.

ở đồng tro bên đường, chẳng bao lâu mọc lên một cây thị lớn, cành lá sum suê. Cây thị ra nhiều hoa, nhưng chỉ đậu có một quả thật to ở một cành cao vút.

Gần đó, có một bà cụ bán hàng nước rất hiền hậu. Mỗi khi đi qua dưới gốc thị, bà lại ngừng đầu lên nhìn quả thị, tấm tắc khen: "Sao mà thị đẹp thế!". Một hôm, bà thấy quả thị đã chín vàng, bà tần ngần đứng dưới gốc cây giờ bị ra hững, nói lầm rầm:

–Thị hỡi, thị hỡi! Thị rụng bị bà, thị thơm bà ngủ, chứ bà không ăn.

Bà cụ nói dứt lời thì quả thị rụng ngay vào giữa bị. Bà cụ đem thị về nâng niu trên tay. Đêm ngủ, bà để thị ở đầu giường. Ngày nào đi chợ, bà cũng dặn thị:

- Thị ở coi nhà, để bà đi chợ, mua quà thị ăn.

Bà cụ vừa đi khỏi nhà, thì một cô gái bé tí từ trong quả thị chui ra, và chỉ phút chốc, cô bé đã trở thành cô Tấm xinh đẹp. Tấm quét dọn nhà cửa sạch sẽ, làm cơm canh để phần bà cụ. Lần nào đi chợ về, bà cũng thấy mọi thứ đều ngăn nắp, có sẵn cơm dẻo, canh ngọt để phần.

Một hôm bà giả vờ đi chợ, rồi rón rén trở về nấp ở ngoài cửa. Tấm lại ở trong quả thị chui ra như mọi lần, thu va thu vén trong nhà. Nhìn thấy một người con gái xinh đẹp lại hay lam hay làm như thế, bà cụ vui sướng quá, chạy ngay vào ôm chầm lấy Tấm và xé tan vỏ thị đi. Từ đó, Tấm ở với bà cụ hàng nước, hai người thương yêu nhau như mẹ con. Người ngoài không ai biết, tưởng Tấm là con gái bà cụ mới ở xa về. Bao nhiêu công việc gói bánh, tằm trầu, Tấm đều làm hết; chỉ riêng việc bán hàng, mời khách, là Tấm để bà cụ.

Một hôm, vua đi qua, thấy quán nước sạch sẽ, ghé vào ngồi nghỉ. Bà cụ rót nước, đưa trầu vua ăn. Thấy trầu tằm cánh phượng rất khéo, giống hệt như miếng trầu vợ mình tằm khi xưa, vua liền hỏi bà cụ:

- Trầu này ai tằm?

Bà cụ đáp:

- Con gái già tằm.

Vua ngỏ ý muốn gặp con gái bà cụ.

Bà cụ gọi Tấm ra! Vua nhận ra ngay vợ mình. Vua kể rõ sự tình với bà cụ và xin đón Tấm về cung.

Cám thấy Tấm trẻ đẹp hơn xưa, sinh lòng ghen ghét, ao ước cũng được trắng trẻo, tươi giòn như Tấm. Nó giả vờ như không biết chuyện gì, hỏi Tấm:

- Chị Tấm ơi, chị Tấm! Chị dầm sương dãi nắng, đi vắng khá lâu, sao giờ chị trắng?

Tấm đáp:

- Có muốn trắng, để chị bày cách cho.

Cám hí hửng bằng lòng ngay.

Theo lời chỉ bảo của Tấm, Cám sai đào một cái hố thật sâu và xuống ngồi ở dưới, rồi gọi người đem nước sôi giội xuống hố. Cám chết cùng queo tức khắc.

Nghe tin Cám chết, mẹ dì ghẻ uất lên, ngã vật xuống đất chết theo con.

THẠCH SANH

Xưa ở quận Cao Bình có gia đình bác tiểu phu Thạch Nghĩa, vợ chồng tuổi cao mà vẫn không con. Ông bà lo buồn và ra sức làm việc nghĩa. Ông thì sửa cầu, sửa cống, khơi rãnh, đắp đường. Bà thì nấu nước cho người qua đường uống. Việc làm của gia đình họ Thạch thấu đến trời, Ngọc Hoàng cho Thái tử đầu thai xuống trần làm con nhà họ Thạch. Thạch bà thụ thai ba năm, chưa sinh con thì Thạch ông mất. Sau đó, Thạch bà sinh một con trai khôi ngô tuấn tú đặt tên là Thạch Sanh. Cách ít năm sau, Thạch bà cũng mất, Thạch Sanh sống cô cút một mình trong túp lều tranh dưới gốc đa với một mảnh khố che thân và một cái búa đốn củi.

Năm Thạch Sanh mười ba tuổi, Ngọc Hoàng sai tiên ông xuống dạy cho chàng các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Một hôm có anh hàng rượu tên là Lý Thông, đi bán rượu ghé vào gốc đa nghỉ chân, thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, lanh lợi, ở một mình, bèn kết làm anh em và đưa Thạch Sanh về nhà.

Bấy giờ ở trong vùng có một con Trăn Tinh (1) thường bắt người ăn thịt, quan quân nhiều lần vây đánh không được. Vì nó có phép thần thông biến hóa; nhà vua phải cho lập miếu thờ và mỗi năm nộp mạng một người cho nó. Năm ấy đến lượt Lý Thông phải nộp mình. Mẹ con Lý Thông nghe tin hoảng hốt, bàn mưu tính kế đưa Thạch Sanh đi thế mạng. Khi Thạch Sanh đi lấy củi về, Lý Thông đon đả mời chàng uống rượu và nói: "Đêm nay anh phải đi canh miếu thờ trong rừng, nhưng trót cất mẻ rượu, anh đi sợ hỏng, nhờ em

thay anh canh miếu một đêm". Thạch Sanh vui vẻ nhận lời và đi ngay.

Nửa đêm Trăn Tinh hiện về, giơ vuốt, nhe răng hà hơi, nhả lửa, định xông vào miếu ăn thịt Thạch Sanh. Thạch Sanh bình tĩnh trở tài đánh nhau với Trăn Tinh, cuối cùng chàng chém được đầu nó, đốt xác nó thành than, và thấy hiện lên trong miếu một bộ cung tên bằng vàng người sáng. Thạch Sanh mừng rỡ giắt búa, đeo cung và xách đầu Trăn Tinh chạy thẳng một mạch về nhà. Nghe tiếng Thạch Sanh gọi, mẹ con Lý Thông hoảng sợ, cho là oan hồn của Thạch Sanh sau khi bị Trăn Tinh ăn thịt, trở về nhà oán trách - bèn cất lời cầu khẩn, van xin:

- Sống khôn, thác thiêng em hãy tạm đi, ngày mai mẹ cùng anh sẽ mua sắm vàng hương, cơm canh, cỗ bàn cúng em chu tất!.

Bấy giờ, Thạch Sanh mới biết rõ tâm địa và mưu kế của mẹ con Lý Thông nhưng chàng không giận, vẫn vui vẻ kể chuyện giết Trăn Tinh cho mẹ con họ Lý nghe. Lý Thông liền nảy ra một mưu thâm độc mới. Nó nói Trăn Tinh là báu vật nhà vua nuôi, ai giết sẽ bị tội lớn. Thạch Sanh lo sợ, Lý Thông bảo Thạch Sanh trốn đi cho an toàn, một mình y sẽ tự lo liệu thu xếp giúp cho.

Sau khi Thạch Sanh từ già mẹ con Lý Thông trở về gốc đưaxưa, Lý Thông đi ngay về Kinh, tâu vua là đã trừ được Trăn Tinh. Nhà vua vui mừng trọng thưởng và phong cho Lý Thông làm Đô đốc quận công. Tiếp đó, nhà vua mở hội kén chồng cho con gái là công chúa Quỳnh Nga. Hội kén chồng kéo dài hàng tháng nhưng công chúa không chọn được ai vừa ý đẹp lòng. Một hôm công chúa đang dạo chơi vườn đào thì một con chim đại bàng khổng lồ khác sà xuống cấp đi. Thấy chim cắp người bay qua, Thạch Sanh giương cung bắn, đại bàng bị trúng tên vào cánh trái, nó dùng mỏ ngậm tên rút ra rồi bay tiếp về hang ổ. Thạch Sanh lần theo vết máu tìm đến cửa hang đại bàng, chàng đánh dấu cửa hang ác diệu rồi trở lại gốc đa.

Nhà vua sai Lý Thông đi tìm công chúa, tìm được thì sẽ được lấy công chúa, làm phò mã, nối ngôi vua, không tìm được phải chịu tội. Lý Thông vừa mừng, vừa lo, y lập kế mở hội hát xướng mười ngày để nghe ngóng dò la tin tức. Đến ngày thứ mười, biết tin Lý

Thông mở hội, Thạch Sanh đến thăm và kể cho Lý Thông nghe việc bắn chim đại bàng, Lý Thông mừng vui khôn xiết, hậu đãi Thạch Sanh và nhờ chàng dẫn đường đến hang Đại bàng cứu công chúa.

Thạch Sanh dùng thang dây xuống hang gặp công chúa và đưa thuốc mê cho đại bàng uống. Công chúa hẹn ước kết duyên cùng Thạch Sanh rồi Thạch Sanh buộc dây đưa nàng lên mặt đất. Lý Thông sai quân lính đưa công chúa lên kiệu rước về cung, còn y nói dối là ở lại đánh nhau với quái vật. Sau đó, Lý Thông dùng đá lấp kín cửa hang và trở về triều đình mạo nhận công trạng. Không thấy Thạch Sanh trở về, công chúa buồn thương rầu rĩ và bật câm, không hé môi nói nửa lời. Nhà vua buồn bã, Lý Thông cầu đảo thuốc thang khắp nơi đều vô hiệu, việc tổ chức cưới xin phải đình hoãn.

Hết liều thuốc mê, đại bàng tỉnh dậy hóa phép thần thông hãm hại Thạch Sanh, chàng dùng sĩ "mặt đỏ mày xanh", đã dám cả gan "phá nhà, cướp vợ" của nó. Thạch Sanh dùng tài võ nghệ và phép thần thông của mình tiêu diệt được đại bàng. Nhìn lên cửa hang kín bùng không còn một khe hở nhỏ, Thạch Sanh dạo khắp hang động của đại bàng và gặp Thái tử con vua Thủy Tề đang bị yêu quái nhốt trong cũi sắt. Thạch Sanh phá tan cũi sắt giải thoát cho Thái tử. Thái tử mời Thạch Sanh về Thủy Tề gặp vua cha. Vua Thủy Tề cảm ơn và hậu đãi chàng.

Trong thời gian lưu lại thủy cung, một hôm Thạch Sanh đang cùng Thái tử dạo chơi thì một con Hồ Tinh xuất hiện, biến thành một cô gái xinh đẹp để cám dỗ, mê hoặc hại chàng. Thạch Sanh bắt nó phải hiện nguyên hình là một con cáo chín đuôi và hóa phép giam nó lại. Vua Thủy Tề mời Thạch Sanh ở lại thủy cung và sẽ phong chức tước cho chàng, nhưng Thạch Sanh từ chối. Vua Thủy Tề tặng Thạch Sanh một cây đàn thần và sai sứ giả rẽ nước đưa chàng trở lại trần gian. Thạch Sanh lại về với gốc đa xưa.

Vắng bóng Thạch Sanh cây đa buồn ủ ê, khi Thạch Sanh trở về cây đa lại xanh tươi như cũ. Hồn hai con quái vật bị Thạch Sanh giết (Trần Tinh và Đại Bàng) gặp nhau tìm cách hãm hại Thạch Sanh. Chúng vào kho châu báu của nhà vua lấy cặp vàng bạc ném vào gốc đa nơi Thạch Sanh ở. Quân lính nhà vua bắt Thạch Sanh tống ngục,

nhà vua giao cho Lý Thông xử tội. Lý Thông khép Thạch Sanh vào tội tử hình để bịt đầu mối. Trong lúc bị giam trong ngục, chờ hành hình, Thạch Sanh đem đàn ra gảy. Cây đàn thần vang lên tiếng tơ, tiếng trúc, cung trầm, cung sâu; cung thì kể tội Lý Thông vong ân, bạc nghĩa, cướp công Thạch Sanh; cung thì trách nàng công chúa sai lời hẹn ước dưới hang...

Nghe tiếng đàn, công chúa bừng tỉnh dậy, cười cười, nói nói. Nhà vua vui mừng nghe công chúa nói rõ ngọn ngành. Lập tức nhà vua hạ lệnh tha cho Thạch Sanh và bắt Lý Thông tống ngục. Tiếp đó, vua làm lễ thành hôn cho Thạch Sanh cùng công chúa và truyền ngôi cho Thạch Sanh.

Vua giao toàn quyền cho Thạch Sanh xử tội Lý Thông. Thạch Sanh tha tội cho Lý Thông, cho mẹ con họ Lý về quê quán làm ăn. Nhưng về giữa đường, trời nổi giông gió, mẹ con Lý Thông bạc ác bị sét đánh chết, Lý Thông hóa thành con bọ hung suốt đời chui rúc nơi bẩn thỉu.

Biết tin Thạch Sanh kết duyên với công chúa Quỳnh Nga và lên ngôi trị vì thiên hạ, các hoàng tử, công hầu của mười tám nước chư hầu, những người đã từng kéo đến cầu hôn công chúa không được, vô cùng ghen tức, họ kéo quân đến gây sự với Thạch Sanh và công chúa. Thạch Sanh cùng công chúa ra tiếp đãi họ một cách tử tế. Tiếng đàn thần của Thạch Sanh phân rõ lẽ thiệt hơn, phải trái, làm cho quân sĩ các nước chư hầu mềm lòng, nản chí.

Kể nhớ mẹ nhớ cha, người thương con nhớ vợ, ai cũng muốn về và ngại việc binh đao, cuối cùng các nước chư hầu đều thuận lui binh. Thạch Sanh mời họ ăn cơm. Chàng có niêu cơm thần nhỏ bé nhưng xới bao nhiêu bát, cơm vẫn đầy lên như cũ, khiến cho các nước chư hầu càng thêm kính phục.

THÀNH GIÓNG

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân to quá, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một thằng bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ. Bèn truyền cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tin, bỗng dưng cất tiếng nói: "Mẹ ra mời sứ giả vào đây". Sứ giả vào, đứa bé bảo: "Ông về tâu vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này".

Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, thành thử phải chạy nhờ bà con, hàng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo thóc nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi

thăng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết nh rạ. Bổng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một người một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Vua nhớ công ơn, không biết lấy gì đền đáp, phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.

Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm đến tháng tư làng mở hội to lắm. Người ta kể rằng những bụi tre đằng ngà ở huyện Gia Bình vì ngựa phun lửa bị cháy mới ngả màu vàng óng nh thế, còn những vết chân ngựa nay thành những hồ ao liên tiếp. Người ta còn nói khi ngựa thét lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy.

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

Ngày xưa ngày xưa, ở trên ngọn núi cao vùng Ch Bô Đa có một hòn đá xanh giống hình một cậu bé cười trên đầu voi. Chẳng biết mỏm đá ấy có từ bao giờ, chỉ biết từ đời ông, đời chưa lâu lắm, lâu lắm, hòn đá đó đứng sừng sững ở đó rồi. Hòn đá cứ đứng đấy, nghe gió từ biển thổi lên, nghe rừng từ phía tây thổi lại kể nghe biết bao nhiêu chuyện kỳ lạ. Những con chim hót hay nhất, bay cao nhất bay tới vai cậu bé đá và hót cho cậu nghe những giọng hót thánh thót trong veo. Từ đó năm này qua năm khác, kể đến ngàn năm, biết bao gió đã hát cho đá nghe, tiếng thánh thót của gió, tiếng dịu dàng của chim đã ngấm vào từng thớ đá.

Đá tích tiếng vọng của mấy ngàn năm, bỗng nhiên một buổi sớm mai rừng mình tách khỏi núi biến thành một cậu bé khôi ngô ngỗ ngĩnh. Cậu bé được tiếng hát ngàn năm nuôi dưỡng đã đổi kiếp thành kiếp người. Cậu bé chớp mắt thấy dân làng từng đoàn từng

đoàn mang máng, tay gùi, tria bắp.... Cậu bé rời đỉnh núi cao đi xuống hoà cùng mọi người. Mọi người tưởng cậu bé cũng chỉ là một đứa trẻ con trong buôn, trong rẫy nên chẳng ai để ý đến cậu cả.

Bỗng trong rừng có những tiếng gầm vang động. Từng đoàn nai, công, trĩ, chim phỉ, lợn rừng ùn ùn kéo nhau chạy như một cơn lốc khủng khiếp ra khỏi rừng. Chắc hẳn là động rừng mất rồi. Thú rừng chưa bao giờ chạy ra nhiều đến thế. Lo thú rừng phá tan hết nương rẫy, họ hoảng hốt cầm gậy đuổi đằng đông, cầm song mây rào đằng tây, dựng bù nhìn rơm ở phía bắc, nhưng thú rừng vẫn âm âm chạy về...

Cuối cùng, họ phải chạy về buôn làng tìm lao, kiếm, cung giáo... Vẳng bóng người, thú rừng tung hoành trên nương trên rẫy. Vừa lúc ấy có cậu bé Đá Ngọc đi đến nương rẫy hoà cùng muôn thú chơi đùa. Cậu nhớ tiếng gió và tiếng chim từ ngàn năm thấm trong từng thớ thịt của mình nên cất thành tiếng hát. Tiếng hát của cậu vang khắp nương rẫy, cất thành tiếng hoa thơm quyến rũ ong vàng, nh hoa đẹp quyến rũ bướm trắng. Tiếng hát quyến rũ tất cả các loài muôn thú, từ chim trĩ, chim phỉ đến lợn lòi, gấu chó, cọp, beo đều mê mẩn đứng nghe quên cả chuyện phá bắp phá lúa trên rẫy. Tất cả các loài chim đều xoè cánh, tất cả các loài thú đều nhún nhảy lắc lư đầu nhảy múa theo tiếng hát.

Dân làng cầm khiên, cầm lao đến nương rẫy, vô cùng sửng sốt trước cảnh lạ lùng này. Họ cũng đứng ngây người ra để nghe tiếng hát. Lũ muôn thú cứ nhảy múa theo tiếng hát mãi đến lúc nhận ra dân làng cầm khiên, cầm dao vây quanh thì kéo nhau chạy vào rừng cả. Dân làng thấy rẫy bắp, nương lúa không bị phá thì cũng chẳng đuổi theo và đánh bắt muôn thú làm gì, họ vây lấy cậu Đá hỏi trăm ngàn câu hỏi tò mò nhưng cậu chỉ cười không nói gì. Từ đó dân làng đón cậu về buôn làng và gọi cậu là cậu Đá Ngọc.

Từ tối hôm đó, cậu Đá Ngọc cứ chờ trăng lên lại hát cho dân làng nghe những bài ca của gió, của nắng, của chim từ mấy ngàn năm tích lại trong từng thớ đá Đá Ngọc của mình. Cậu bé còn hát cho mọi người nghe những bản hùng ca kể về những người anh hùng ngàn xưa làm bà con mê mẩn người ngồi nghe, quên cả trăng lặn,

quên cả sương xuống ớt đầm vai áo, cho mãi đến lúc nắng lên họ lại khoả khoải rủ nhau ra nương ra rẫy.... Tiếng hát làm mọi người làm việc không biết mỏi, khiến cho nương rẫy đầy bông, rừng đầy hoa.

Một hôm cậu bé Đá Ngọc đang hát trên nương để bà con vui tay hái lúa thì nghe tin chẳng lành. Một tráng sĩ áo đỏ, thắt vải đỏ chéo trước ngực, cưỡi ngựa như bay, hai tay giương cao ngọn đuốc, tay cầm ốt chín và vòng đồng. Từ xưa người Rắc lay khi có tin dữ thường có hiệu lệnh: Cầm đuốc là có tin chiến tranh, cầm ốt báo mọi người là có việc khẩn cấp. Cầm vòng đồng đó là báo hiệu mọi người đoàn kết....

Ngọn đuốc, ốt chín, vòng đồng trên tay tráng sĩ có nghĩa là Mơ tao Giờ rai báo khắp núi rừng, buôn rẫy là chiến tranh đã tới, khẩn cấp cầm vũ khí, đoàn kết lại bảo vệ quê hương. Khi mọi người vừa kịp nắm lấy cái khiên gác trên giàn bếp, cầm cái giáo dựa ở cột nhà thì nhìn ra xung quanh nương rẫy đã thấy rừng rực lửa cháy ngút trời, chiêng trống vang động, tiếng vó ngựa tưởng lở núi, tiếng voi đi tưởng nghiêng sông. Lệnh truyền của Mơ tao Gia rai vang khắp buôn làng:

"Giặc sắp đến phá buôn ta, phá rẫy ta. Chúng kéo đi đông như kiến, chúng kéo đến đông như lá rừng. Chúng tiến đến nhanh như chớp giạt. Chúng xô lại nhanh hơn thác lũ. Hỡi ai thương mẹ, thương cha, ai là người thương đất nước, ông bà, hãy mau cầm khiên, cầm giáo đứng lên mà cản giặc. Nghe lệnh của Mơ tai Giờ rai, các cụ già về làng vác dao, trai tráng cầm khiên cầm dao ùn ùn kéo ra ngăn giặc cướp.

Quân hai bên xông vào nhau đâm chém. Tiếng ngựa hí vang lừng, máu chảy trôi những phiến đá mà các cô gái ngồi bên suối giặt váy, giặt áo. Nhìn cảnh đầu rơi máu chảy cậu bé Đá Ngọc đau lòng lắm. Cậu lặng lẽ bỏ lên núi cao. Từ cặp môi đỏ hồng ngậy thơ của cậu ngân lên tiếng hát ai oán. Tiếng hát như tiếng rung động thốn thức của muôn ngàn trái tim trong tiếng gươm giáo chạm nhau toé lửa, trong tiếng la hét khủng khiếp, trong tiếng kêu gào giã chết của những chiến sĩ tử thương. Lúc đầu tiếng hát của cậu Đá Ngọc còn chìm trong tiếng gươm đao, trong tiếng kêu khóc. Nhưng rồi tiếng hát cao vút ngân nga. Không còn là tiếng hát của một cậu bé nữa, mà

là tiếng vọng của núi, tiếng tha thiết của rừng, tiếng than thở của gió. Tiếng hát làm cho những kẻ bỏ nương bỏ rẫy ở quê nhà đến đây cướp phá bỗng tranh lòng nhớ cố hương. Lòng họ đau như xát muối, tay họ bỗng không thể nào cầm nổi gươm giáo. Họ đứng lặng đi trong tiếng hát. Gươm giáo, khiên, nỏ rời khỏi tay, rơi xuống ngổn ngang trên mặt đất, họ chẳng thèm nhặt nữa. Họ từ từ ngã gục xuống trong tiếng hát và tiếng hát đưa hồn họ về với quê hương xa vắng.

Họ cứ thế ngủ ngay dưới chân voi chiến, ngựa chiến và gửi giấc mơ thanh bình về buôn rẫy xa. Cả những người chiến đấu bảo vệ quê hương cũng ngừng tay gươm giáo không lao vào cảnh chiến đấu nữa. Giấc tự nhiên tan... Các tướng giặc không thể nào cản nổi quân lính bỏ về quê hương.

Mơ tao Giờ rai hết lời khen ngợi cậu Đá Ngọc. Mơ tao Giờ rai ban thưởng cho cậu Đá Ngọc một trăm voi chiến có ngà vàng, một trăm chiếc ché có bít miệng bằng bạc, một trăm người hầu hạ. Nhưng cậu Đá Ngọc không quen cưỡi voi, không biết uống rượu trong ché ba và không thích ai hầu hạ mình. Cậu Đá Ngọc chỉ thích lững thững du ngoạn một mình giữa trời đất bao la và thích cất tiếng hát. Tiếng hát của Đá Ngọc hoà với gió vút lên tầng không, hoà với lá rì rào trong rừng, hoà với suối thì thầm ngoài bến nước, hoà với chim riu rít trong hoa tươi, quả chín... Thế rồi gió vẫn hát, chim vẫn ca, lá vẫn rì rào, suối vẫn róc rách... nhưng không ai thấy cậu Đá Ngọc đâu nữa.

Dân làng thương nhớ cậu Đá Ngọc bèn đổ đi tìm. Họ tìm trên núi, không thấy, đi tìm giữa rừng, không thấy, tìm ngoài nương, không thấy, tìm theo dòng suối, cũng không thấy. Họ chờ đợi từ lúc mặt trời mọc cho đến lúc mặt trời lặn, chờ từ lúc mùa đông mới về cho tới lúc mùa đông từ già ra đi, cũng không thấy cậu Đá Ngọc trở về... Người ta bảo cậu Đá Ngọc hiện về giữa nương rẫy chống rừng động, giữ buôn làng chống giặc già xong lại trở về kiếp đá. Nhưng mọi người đều tin rằng thế nào Đá Ngọc cũng trở lại với buôn làng. Bởi vì buôn làng không thể thiếu tiếng hát hoà bình yên vui...

Vì thế đến ngày nay mọi người vẫn chờ đợi cậu bé Đá Ngọc trở lại...

TRÍ KHÔN CỦA TA ĐÂY

Một con cọp từ trong rừng đi ra, thấy một anh nông dân cùng một con trâu đang cày dưới ruộng. Trâu cặm cùi đi từng bước, lâu lâu lại bị quất một roi vào mông. Cọp lấy làm ngạc nhiên. Đến trưa, mở cày, Cọp liền đi lại gần Trâu hỏi:

- Này, trông anh khỏe thế, sao anh lại để cho người đánh đập khổ sở như vậy?

Trâu trả lời khẽ vào tai Cọp:

- Người tuy nhỏ, nhưng người có trí khôn, anh ạ!

Cọp không hiểu, tò mò hỏi:

- Trí khôn là cái gì? Nó như thế nào?

Trâu không biết giải thích ra sao, đành trả lời qua quýt:

- Trí khôn là trí khôn, chứ còn là cái gì nữa? Muốn biết rõ thì hỏi người ấy!

Cọp thông thả bước lại chỗ anh nông dân và hỏi:

- Trí khôn của anh đâu, cho tôi xem một tí có được không?

Anh nông dân suy nghĩ một lát rồi nói:

- Trí khôn tôi để ở nhà. Để tôi về lấy cho anh xem. Anh có cần, tôi sẽ cho anh một ít.

Cọp nghe nói, mừng lắm.

Anh nông dân toan đi, lại làm như sực nhớ ra điều gì bèn nói:

- Nhưng mà tôi đi khỏi, lỡ anh ăn mất trâu của tôi thì sao?

Cọp đang băn khoăn chưa biết trả lời thế nào thì anh nông dân đã nói tiếp:

- Hay là anh chịu khó để tôi buộc tạm vào gốc cây này cho tôi được yên tâm.

Cọp ưng thuận, anh nông dân bèn lấy dây thừng trói cọp thật chặt vào một gốc cây. Xong anh lấy rơm chát chung quanh Cọp, châm lửa đốt và quất:

- Trí khôn của ta đây! Trí khôn của ta đây!

Trâu thấy vậy thích quá, bò lăn ra mà cười, không may hàm trên va vào đá, răng gãy không còn chiếc nào.

Mãi sau dây thừng cháy đứt, Cọp mới vùng dậy ba chân bốn cẳng chạy thẳng vào rừng không dám ngoái nhìn lại.

Từ đó, cọp sinh ra con nào trên mình cũng có những vằn đen dài, vốn là dấu tích những vết cháy, còn trâu thì chẳng con nào có răng ở hàm trên cả.

TRƯƠNG CHI

Ngày xưa, có một ông quan thừa tướng sinh được người con gái tên là My Nương, nhan sắc tuyệt trần. Nàng ở cấm cung trong ngôi lầu cạnh bờ sông. Bấy giờ có một chàng trai con nhà thuyền chài tên là Trương Chi, ngày ngày đến thả lưới kiếm ăn trên khúc sông đó. Chàng ta thường vừa buông lưới, vừa hát. Tiếng hát rất hay, khiến cho My Nương ở trong lầu xao xuyến say mê. Một dạo, Trương Chi đi đánh cá ở khúc sông khác. Không được nghe tiếng hát, My Nương sinh ra sầu não. Nàng bồn chồn trông đợi. Tiếng hát vẫn vắng lặng và nàng bắt đầu ốm.

Thừa tướng vội cho mời các lương y đến xem mạch, bốc thuốc. Thuốc uống đã nhiều mà bệnh My Nương vẫn không chuyển. Sau thừa tướng hỏi dò những người hầu hạ My Nương, mới biết là con mình ốm tương tư. Các lương y khuyên thừa tướng cho gọi anh lái đò đến.

Trương Chi được vời đến thăm My Nương. Chàng vừa ngồi sắc thuốc, vừa hát cho My Nương nghe. Lại được nghe tiếng hát, quả nhiên My Nương dần dần khỏi bệnh. Nhưng đến khi nhìn thấy mặt Trương Chi thì nàng tỏ ý lạnh nhạt, còn Trương Chi buồn bã bỏ ra về.

Cũng từ đây Trương Chi thầm yêu My Nương. Chàng tủi cho thân phận nghèo hèn của mình, buồn chán không thiết gì làm ăn nữa. Rồi một hôm, chàng hát:

Kiếp này đã dở dang nhau, Thì xin kiếp khác, duyên sau lại lành.

Hát xong, chàng nhảy xuống sông tự vẫn. Đó là câu hát cuối cùng trong đời chàng.

Trương Chi chết, nhưng hồn chàng nhập vào cây gỗ bạch đàn. Ít lâu sau, có người vớt được cây gỗ, vô tình đem bán cho thừa tướng. Mua được gỗ quý, thừa tướng sai ngay thợ tiện tiện thành bộ chén trà. Một hôm, My Nương cầm chén rót nước, thì lạ thay, hình ảnh người đánh cá chèo thuyền hiện lên chậm chậm xoay quanh trong lòng chén. Tức thì tiếng hát năm xưa cũng văng vẳng như than, như trách. My Nương chạnh lòng nhớ lại mối tình đã qua. Một giọt nước mắt của nàng rơi xuống chén và chiếc chén cũng tan ra thành nước.

CHUYỆN NGƯỜI LẤY VỢ CỐC

Ngày xưa ngày xưa có một gia đình hiếm hoi, vợ chồng đã đến tuổi già mà vẫn chưa có con. Chạy chữa mãi người vợ mới có mang, người chồng mừng lắm. Nhưng thật là tai họa, người vợ không đẻ ra người mà lại đẻ ra một con cóc. Nhiều người khuyên nên vứt cóc đi, vì cho là quái thai, nhưng hai vợ chồng vẫn nuôi nấng chăm sóc tử tế. Cóc lớn lên nhưng chẳng đỡ đàn cha mẹ được việc gì. Đến mùa lúa chín, vợ chồng nhà kia than phiền với nhau rằng:

- Lúa nhà đang vào mẩy, người qua đường cứ bứt bứt mãi tiếc đứt ruột mà chẳng biết làm sao. Phải chi vợ chồng mình sinh ra người thì đã nhờ cậy được rồi không.

Cóc nghe cha mẹ than phiền, nằng nặc xin đi coi lúa. Cha mẹ không tin nhưng vì cóc nài nỉ quá nên cũng đành phải cho đi. Từ đó, hễ ai bước xuống ruộng tiện tay ngắt lúa non cắn chắt là có tiếng người khuyên nhủ nhiều điều hơn lẽ thiệt dẫu dằng làm họ phải ngừng tay. Cha mẹ mừng lắm. Nhưng một hôm có một anh học trò nghèo đi qua, xuống ruộng hái một bó lúa để cắn chắt. Cóc để anh học trò khô ngô tuần tú hái xong mới nhảy ra chặn đường mà nhẹ nhàng hỏi rằng:

- Anh đồ ỏi, anh đồ, sao anh lại hái lúa non nhà tôi thế này. Người học trò nghe có tiếng gọi mình thì ngạc nhiên lắm nhưng nhìn trước nhìn sau không thấy bóng người, chỉ thấy một con cóc chặn ngang trước lối đi. Anh ngạc nhiên hỏi:

- Thế Cóc cũng biết nói tiếng người, mà lúa này là lúa của Cóc à, hay là Cóc giữ thuê cho ai?

Cóc lắc đầu:

- Em coi lúa nhà em, em vốn là con một nhà khá giả, nhưng trời bắt em phải mang lột cóc đến bao giờ có người thực sự thương yêu em, lấy em làm vợ.

Anh học trò mới thực tình than thở rằng vì nhà mình nghèo quá, cơm không đủ ăn, nên đi qua đây phải ngắt trộm ít bông lúa để cắn chắt cho đỡ đói lòng. Thương anh học trò nghèo chăm học có chí, Cóc không những không đòi lại thóc mà còn tìm cách mang của nhà mình ra giúp đỡ anh. Từ đó hai người thường gặp nhau ở ruộng lúa trò chuyện tâm đắc.

Vụ gặt xong, Cóc không còn việc gì ở ngoài ruộng, anh học trò đi học qua không được gặp Cóc nên rất nhớ và sinh ra ồm tương tư. Cha mẹ anh gạn hỏi mãi, anh trả lời, chỉ có hỏi Cóc về làm vợ cho anh là bệnh anh tự khắc khỏi, nếu không thì e chết mất. Vì quá thương và quá lo cho con, bố mẹ anh học trò đành phải sắm sanh quả cau miếng trầu sang dạm hỏi. Bố mẹ Cóc chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, nên vô cùng bối rối và chối đây đẩy:

- Tôi xấu số chỉ để được một con Cóc, bà hỏi làm gì cho vợ chồng tôi thêm tủi thân.

Cóc ngồi trong buồng tha vọng ra:

- Họ nhà trai đã đến hỏi, thì bố mẹ cứ nhận lời đi. Về làm dâu nhà người ta, trước hết con cứu cho chồng con khỏi bệnh, sau rồi con sẽ làm được đủ mọi việc quán xuyến trong gia đình.

Thấy vậy cha mẹ Cóc bèn nhận lời. Đến ngày cưới, hai họ đưa đón dâu nhưng cô dâu vẫn nhảy từng bước một theo sau, và khi đến nhà chú rể cô dâu nhảy tót ngay vào buồng. Từ đó, vì đã có người yêu thương nên Cóc có thể tự trút được lột Cóc để trở thành một cô gái xinh đẹp trước mặt người mình yêu, vào những lúc không ai hay biết. Vì thế mà nhà chồng đi học vắng, Cóc bí mật trút lột thành một

người con gái đẹp và khéo tay đảm đang mọi việc nội trợ trong nhà, cơm dẻo canh ngọt, gia đình đầm ấm.

Các bạn cùng trường thấy anh học trò lấy vợ Cóc thì chê cười khinh bỉ, họ quyết làm cho anh bẽ mặt vì vợ một phen. Ngày xưa có tục lệ học trò coi thầy như cha, nên sắp đến ngày giỗ mẹ thầy, họ đề ra cái lệ tất cả học trò đã có vợ phải hiến mỗi người một mâm cỗ do chính tay vợ mình nấu nướng. Họ nghĩ rằng phen này anh chàng lấy vợ cóc sẽ phải bẽ mặt. Chính anh học trò nghèo cũng sợ mình sẽ xấu hổ với bạn bè nên lo lắng vô cùng. Nhưng Cóc đã bảo chàng rằng:

- Chàng chẳng việc gì phải bận tâm. Cứ để em lo. Giờ chàng cứ đi học đi, đến giờ phải bưng cỗ đến nhà thầy, chàng về nhà sẽ có đầy đủ, cỗ ngon cỗ khéo cho chàng đem thi.

Đến ngày giỗ, các mâm cỗ mang đến thầy đều không ưng, duy có mâm cỗ của Cóc là thầy khen lấy khen để. Mâm cỗ ấy được chấm giải nhất.

Đám học trò thua cuộc tức lắm. Nhưng thua keo này họ bày keo khác, quyết làm cho vợ chồng Cóc phải xấu hổ mới thôi. Họ nghĩ rằng may áo là việc khó nhất, Cóc có thể nấu cơm được chứ làm sao may áo được. Vì thế họ xin với thầy cho các học trò đã có vợ mỗi người may biểu thầy một cái áo. áo nào thầy mặc vừa vặn lại may khéo thì người may áo sẽ được giải. Biết được mưu mô của đám học trò nghịch ngợm nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò, nên anh chồng Cóc vừa lo lại vừa buồn. Anh kể rõ sự tình với vợ. Cóc cười bảo chồng rằng: Anh cứ chuyên tâm vào chuyện đèn sách, lúc nào người ta mang quần áo đến nhà thầy, anh về nhà sẽ có áo vừa đẹp cho anh mang đi thi.

Đến ngày thi, quần áo các anh học trò khác mang đến, cái thì rộng, cái thì chật, cái thì dài quá, cái lại ngắn quá. Duy nhất có cái áo Cóc may là thầy mặc vừa nhất, đẹp nhất, đường kim mũi chỉ khéo nhất.

Vợ Cóc lại được giải thưởng lần nữa làm cho các anh học trò kia bực lắm. Họ bàn với nhau rằng: Thôi không thi thố gì nữa. Sắp đến Tết rồi ta cứ đưa việc học trò phải đưa cả vợ con đến mừng tuổi thầy. Vợ chúng mình dù xấu dù đẹp vẫn là người, còn vợ nó là cóc, nó

không thể không mang đến, mà mang đến thì ê mặt lắm. Nh thế là thoả chí chúng ta rồi. Chứ việc gì phải bày trò ra thi thố cho mệt.

Biết được mưu mô của các bạn, anh học trò nghèo lấy vợ Cóc quả quyết là năm nay mình sẽ cáo ốm khất lần không lên chúc thọ thầy như mọi năm. Nàng Cóc mới hỏi chồng rằng:

- Thế anh ngượng là lấy vợ Cóc như em à.

Anh học trò lắc đầu thề thốt:

- Anh đâu có ngượng, nếu ngượng anh đã không xin cưới hỏi em làm vợ anh. Nhưng anh không chịu được đám học trò tinh nghịch mang em ra làm trò cười trước mặt mọi người, trước mặt thầy thôi.

Nàng Cóc nghe vậy mới thở thễ:

- Em chỉ sợ anh ngượng thôi, chứ thiên hạ em không sợ... Anh cứ yên tâm đèn sách học hành, đừng nên lo nghĩ gì cả... Em sẽ tự mình lo liệu.

Đúng ngày mừng một Tết, tất cả học trò đều đưa vợ ăn mặc cực kỳ lộng lẫy lũ lượt kéo đến nhà thầy. Họ thấy anh học trò kia đi trước và nàng Cóc lộc lộc nhẩy từng bước theo sau họ hả hê lắm. Họ bấm nhau cười, làm anh học trò kia dửng dăng nửa muốn đi nửa muốn quay về trốn biệt trong nhà. Nhưng Cóc giục: Ta cứ đi rồi đâu sẽ có đó.

Đến trước sân nhà thầy khi tất cả học trò là những anh khoá, anh đồ dẫn các thím đồ, cô khoá đã tề tựu đông đủ, các cô đầu tóc bỏ đuôi gà, áo mớ ba mớ bảy, dép quai cong, váy lĩnh sột soạt. Tất cả vừa định quay lại nhìn nàng Cóc để chế diễu chê cười, thì nàng Cóc bỗng rùng mình lột tấm da Cóc xấu xí hiện thân thành một người con gái vô cùng xinh đẹp trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người... Nàng tiên Cóc mới nhẹ nhàng nói với các anh khoá chị khoá rằng:

- Vì các anh các chị em phải thay lột đổi hình để chồng em đỡ tủi, xin các anh các chị chớ chê cười...

Đến lúc bấy giờ tất cả các bạn học của anh khoá mới chịu thua và đồng thanh yêu cầu nàng Cóc bỏ cái lột cóc để mọi người đẹp lây. Nàng tiên Cóc bằng lòng và chiếc lột da cóc được mang đốt cháy. Từ đó nàng trở thành một người vợ đẹp nổi tiếng, đảm đương quán xuyến công việc nội trợ, xưa gần đều nức lời khen.

TRUYỀN THUYẾT VỀ HỒ GƯƠM

Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng trong buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, chàng thấy nặng nằng, trong bụng mừng thầm, chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, Thận chỉ thấy có một thanh sắt; chàng vớt luôn xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay; Thật không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba, lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận đưa lại mời lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên:

- Ha ha! Một lưỡi gươm!

Về sau Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái gan dạ không nề nguy hiểm. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lấy xem và thấy có hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngã. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ đến lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn trong đó có Lê Thận. Lê Lợi mới đem chuyện bắt được chuôi gươm kể lại cho mọi người nghe. Khi đem tra gươm vào chuôi thì vừa như in.

Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với Lê Lợi:

- Đây là Trời có ý phó thác cho mình công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo mình công, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc!

Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng tiến. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thanh của nghĩa quân vang khắp nơi. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi - bấy giờ đã làm vua - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con rùa vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói: "Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!".

Vua rút gươm quăng về phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đón lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

Từ đó hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

TRUYỀN THUYẾT VỀ SƯ TU

Thuở xưa, có một hoàng tử mới mới lên ngôi hoàng đế. Ngay lập tức chàng muốn đi học phép thuật để củng cố đất nước. Chàng đi tìm một ông thầy bùa chú rất nổi tiếng về phép thuật để học.

Hoàng hậu rất buồn vì ý định của hoàng đế vì nàng sợ sự chia ly, vả lại trên đường đi có rất nhiều nguy hiểm, khó khăn. Nhưng chàng đã quyết và một ngày kia lên đường cùng với bốn người tùy tùng. đường đi rất khó khăn, vì phải qua những sa mạc rộng lớn và đi vào những vùng rừng sâu đầy thú dữ ... nhưng vì họ quá khao khát phép thuật, quyền hành sau này, cho nên những khó khăn chẳng cản được họ.

Ba tháng cực khổ, đói và khát, hoàng đế và bạn hữu chàng đến chỗ của thầy tu. Vị thầy này cảm động vì sự dũng cảm của họ nên chấp nhận cho họ học nghề. Nhưng ông ra một điều kiện : họ phải hứa xử trí một cách đạo đức, không bao giờ giết sinh vật nào cả. Nếu tay họ chỉ một lần vấy máu thôi, thì tất cả phép thuật sẽ biến mất đi. Hoàng đế đồng ý.

Sau khi học những phép thuật, họ vui mừng, lên đường trở về cung điện. Nhưng đi một tháng sau, họ lạc trong một rừng rất dày đặc. Họ không nhận ra những đường xưa nữa, và thấy tất cả vật xung quanh họ đều lạ lẫm. Lúc đó, hoàng hôn giăng bủa và đêm khuya bỗng nhiên ôm trùm cả phong cảnh rừng tối om. Những vòm lá ngàn cây che mịt mù cả trời đen thui, không cho thấy những ngôi sao nào để mà nhắm hướng. Xung quanh họ bắt đầu vang lên hàng trăm thứ tiếng của thú rừng.

Hoàng đế và các bạn hữu chàng bắt đầu sợ và cùng với nhau dùng phép thuật để biến thành một con thú vật rất mạnh bạo, to lớn, dữ tợn, có thể tự bảo vệ, và làm khiếp sợ những con thú khác. Vì thế,

hoàng đế bắt đầu biến thành đầu một con vật, bờm tóc, như vương miện ... Ông đại tướng làm theo ngay và biến thành thân người của con động vật ấy ... bốn người tùy tùng kia thì biến thành bốn chân ... còn lại ông thầy địa, do dự một lúc, rồi biến thành cái đuôi. Con vật ấy có dáng đi hùng dũng như một vị vua nên các con thú rất sợ và không tấn công nó.

Hoàng đế và mấy bạn bè ở như vậy suốt cả đêm dài. Nhưng lúc gần sáng, thì có một con nai non sang qua gần đó. Con sư tử rất đói vì cả ngày chưa ăn, bỗng chìa cánh tay ra, bắt con nai bằng vuốt nhọn, và hai tay giữ mạnh, cắn cổ nai và xé thịt ăn ngon lành ...

Mồm nó còn đỏ máu lúc mặt trời dần dần thức dậy. Nó muốn biến lại thành người để tiếp tục đi về cung điện. Nhưng đột nhiên nó nhớ lại là nó đã dùng phép thuật để giết một con thú vật rồi ... Lúc đó nó mới biết là nó sẽ không bao giờ trở thành lại người được nữa, và luôn luôn phải sống như con sư tử ...

TỪ THỨC

Thời xưa, ở Hòa Châu (tức Thanh Hóa bây giờ), có một người tên là Từ Thức, vốn con quan nên được bổ làm một chức quan nhỏ ở một địa hạt thuộc xứ Kinh Bắc (tục truyền địa hạt này thuộc huyện Tiên Du, Bắc Ninh). Cạnh huyện có một ngôi chùa to, trong chùa có một cây mầu đơn lớn, cứ đến mùa xuân hoa nở thì khách bốn phương đến chùa xem hoa đông như hội.

Một hôm, có một thiếu nữ tuổi chừng mười sáu, mười bảy, nhan sắc xinh đẹp, đến xem hoa, nhỡ tay vịn gãy một cành, không có gì để đền, nên bị nhà chùa bắt giữ lại. Từ Thức đi qua trông thấy, liền cởi áo mặc ngoài, chuộc cho thiếu nữ. Mọi người đứng xem đều khen Từ Thức là người nhân đức.

Đi ngao du, xem phong cảnh đẹp và làm thơ thì Từ Thức rất ưa thích, còn việc quan thì chàng thường bỏ mặc, nên hay bị quan trên quở trách. Chẳng bao lâu Từ Thức xin từ quan. Thấy huyện Tống Sơn có nhiều núi đẹp, chàng đem theo một tiểu đồng và một túi đàn đến dựng một gian nhà nhỏ ở chân núi để ở. Từ đấy, những nơi phong cảnh đẹp quanh vùng, không nơi nào là không có vết chân Từ Thức.

Một hôm, dậy sớm, trông ra cửa Thần Phù thấy có mây ngũ sắc kết thành hình hoa sen, Từ Thức một mình chèo thuyền ra phía ấy. Đến chân một dãy núi cao ngất, chạy sát mặt biển, Từ Thức buộc thuyền lên bờ và trèo lên một mỏm đá cao. Chợt trông thấy một cái hang bên sườn núi, cửa hang tròn và rộng, chàng thử vào hang xem sao.

Từ Thức mới đi được vài bước thì cửa hang bỗng đóng ập lại. Hang tối mịt mùng, không còn biết đường lối nào. Từ Thức phải lần theo khe nước mà đi. Đi một lúc lâu, thấy có ánh sáng, chàng lần ra khỏi hang và đi đến một chân núi khác. Thấy núi cao vọi vọi, sườn núi dốc ngược, Từ Thức cố bám vào hốc đá trèo lên. Lên cao, chàng thấy có đường rộng, rồi lên đến đỉnh núi thì trời quang đãng, ánh sáng rực rỡ, xua xua có lâu đài cung điện nhấp nhô bên những lùm cây xanh. Từ Thức đi theo đường lớn đến một lâu đài. Bỗng có hai thiếu nữ mặc áo xanh chạy ra, bảo với nhau rằng: "Chú rể nhà ta đã đến kia kìa!", rồi hai người chạy vụt vào tòa nhà lộng lẫy.

Một lúc sau, hai người lại ra, nói với Từ Thức rằng:

- Phu nhân sai chúng tôi ra mời người vào chơi.

Từ Thức đi theo hai người con gái, thấy lầu son gác tía, tường gấm, bậc đá xanh, trước kia chàng chỉ thấy nói trong sách, bây giờ mới thật mắt trông thấy. Trên mấy cửa đi qua, chàng thấy có chữ đề: "Điện Quỳnh H", "Gác Giao Quang", chàng theo hai thiếu nữ lên gác, thấy một vị phu nhân mặc áo lụa trắng ngồi trên sập thất bảo, trước sập có kê đôi kỷ gỗ đàn hương.

Phu nhân mời Từ Thức ngồi và hỏi:

- Ông vốn hay đi xem cảnh lạ, có biết đây là chốn nào không?

Từ Thức đáp:

- Tôi đi đã nhiều nơi, nhưng không biết trong vùng này lại có cảnh tiên, xin phu nhân chỉ bảo cho tôi được biết.

Phu nhân cười, rồi nói:

- Ông biết đâu được chốn này. Đây là hang thứ sáu trong ba mươi sáu động núi Phi Lai, tôi là Ngụy phu nhân, địa tiên núi Nam Nhạc. Vì thấy ông có cao nghĩa, nên mới mời đến chơi.

Phu nhân bảo thị nữ gọi một tiểu thư ra. Vừa trông thấy, Từ Thức nhận ngay ra người con gái đánh gãy cành hoa mẫu đơn trong chùa ngày nọ.

Phu nhân chỉ vào người con gái bảo Từ Thức rằng:

- Em nó tên là Giáng Hương, dạo nọ đi xem hoa gặp nạn, may có ông cứu cho, tôi vẫn còn hàm cái ơn ấy; nay tôi muốn cho em nó kết duyên với ông để đáp lại ơn sâu.

Ngay đêm hôm ấy, phu nhân sai mở tiệc hoa, cho hai người làm lễ thành hôn.

Từ Thức ở được chừng một năm, có ý nhớ nhà, nói với Giáng Hương rằng:

- Tôi đi xa nhà đã lâu, lắm lúc nhớ quê cũ, muốn về thăm một chút.

Giáng Hương tần ngần, không đáp.

Từ Thức lại nói:

- Tôi chỉ về chơi ít bữa, rồi lại đến đây với nàng.

Giáng Hương khóc mà nói rằng:

- Thiếp không phải vì tình lưu luyến hẹp hòi mà ngăn trở ý định của chàng, chỉ vì ở trần gian tháng ngày ngắn ngủi, sợ chàng có về đến nhà, cũng không thấy còn như trước nữa.

Giáng Hương đem chuyện nói với Phu nhân. Thấy Từ Thức trần duyên chưa dứt, Phu nhân mới sai người lấy một cỗ xe để tiễn đưa chàng. Giáng Hương viết một phong thư dán kín đưa cho chồng, dặn đến nhà hãy mở ra xem.

Từ Thức từ biệt Giáng Hương và Phu nhân, rồi lên xe, chỉ chớp mắt đã về đến làng cũ. Nhìn phong cảnh chàng thấy khác hẳn xưa, chỉ còn hai bên khe núi là vẫn nguyên như trước. Chàng đem họ tên mình hỏi thăm các cụ già trong làng thì có một cụ trả lời:

- Hồi nhỏ, tôi cũng có nghe nói hình như cụ tổ bốn đời nhà tôi họ tên cũng như thế, nhưng lạc vào hang núi cách đây đã ngót hai trăm năm rồi.

Từ Thức buồn rầu, muốn lại ngồi lên xe tiên để đi, thì xe đã hóa thành chim loan bay đi mất rồi. Mở bức thư của Giáng Hương ra xem, chàng chỉ thấy có dòng chữ vắn tắt: "ở nơi tiên cảnh, cùng nhau kết bạn, nay duyên xưa đã hết, không còn mong hội ngộ".

Về sau, người ta thấy Từ Thức đội cái nón nhỏ vào núi Hoàng Sơn (thuộc huyện Nông Cống, Thanh Hóa) không thấy trở về nữa.